

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 19/12/2015;

Căn cứ Biên bản số 01/BB-ĐHĐCĐ ngày 19/9/2019 được thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông,

1. Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 (Báo cáo số 11A/BC-CTY ngày 15/2/2019 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu).

STT	Chỉ tiêu cơ bản	Đơn vị tính	Kết quả sản xuất kinh doanh 2018	Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019
I	Chỉ tiêu sản xuất			
1	Sản lượng nước khai thác	m ³	7.737.706	8.047.214
2	Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	6.891.366	7.166.712
II	Chỉ tiêu kinh doanh			
1	Tổng doanh thu	Đồng	54.354.435.067	56.418.030.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	7.595.193.237	8.244.740.000
3	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	6.051.412.211	6.579.790.000
4	Giá trị đầu tư cải tạo, sửa chữa	Đồng		30.000.000.000

2. Thông qua tờ trình Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018 (Tờ trình số 05/TTr-HĐQT ngày 17/7/2019 của Hội đồng quản trị).

STT	Chỉ tiêu cơ bản	Đơn vị tính	Báo cáo tài chính
1	Tổng tài sản	Đồng	128.877.236.162
	- Tài sản ngắn hạn	Đồng	31.210.232.235
	- Tài sản dài hạn	Đồng	97.667.003.927
2	Tổng nguồn vốn	Đồng	128.877.236.162

	- <i>Nợ phải trả</i>	Đồng	16.469.659.008
	- <i>Nguồn vốn chủ sở hữu</i>	Đồng	112.407.577.154
3	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Đồng	111.688.000.000
4	Tổng doanh thu	Đồng	54.354.435.067
5	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	7.595.193.237
6	Thuế TNDN	Đồng	1.543.781.026
7	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	6.051.412.211
8	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	341

3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018 và phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019 (*Báo cáo số 01/BC-HĐQT ngày 12/2/2019 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu*);

4. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018 và kế hoạch công tác kiểm soát năm 2019 (*Báo cáo số 05/BC-BKS ngày 18/2/2019 của Ban Kiểm soát*).

5. Thông qua tờ trình trích lập các quỹ và mức chia cổ tức năm 2018 và Phương án trích lập các quỹ và mức chia cổ tức năm 2019 (*Tờ trình số 06/TTr-HĐQT ngày 17/7/2019*) cụ thể như sau:

5.1. Trích lập các quỹ và mức chia cổ tức năm 2018:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tỷ lệ (%)	Số tiền
1	Quỹ thưởng người quản lý	Đồng	02	121.028.244
2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Đồng	35	2.117.994.274
3	Chia cổ tức	Đồng	62	3.745.984.000
4	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm sau	Đồng	01	66.405.693

5.2. Phương án trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2019:

Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu lợi nhuận sau thuế được thực hiện như sau:

- Trích tỷ lệ chia cổ tức từ 3,7% vốn điều lệ trở lên.

- Mức chi khen thưởng phúc lợi cho người lao động và quỹ thưởng người quản lý sẽ được chủ sở hữu phê duyệt sau khi có kết quả kinh doanh thực tế năm 2019.

6. Thông qua tờ trình thù lao, tiền lương của người quản lý, thù lao thư ký năm 2018 và Kế hoạch thù lao, tiền lương của người quản lý, thù lao thư ký năm 2019.

6.1. Thù lao, tiền lương của người quản lý, thù lao thư ký năm 2018:

- Quỹ thù lao người quản lý:

+ Thù lao của Chủ tịch HĐQT: 116.328.960 đồng/người /năm.

+ Thù lao Thành viên Hội đồng quản trị: 97.716.326 đồng/người/năm.

+ Thù lao Ban kiểm soát: 146.574.490 đồng/02 người /năm.

* *Tổng quỹ thù lao thực hiện của người quản lý năm 2018*

$116.328.960 + 97.716.326 + 146.574.490 = 360.619.776$ đồng/năm

- Quỹ tiền lương Hội đồng quản trị: 691.200.000 đồng/02 người/năm

- Quỹ tiền lương người quản lý: 1.442.479.104 đồng/03 người/năm

* *Tổng quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý năm 2018*

$691.200.000 + 1.442.479.104 = 2.133.679.104$ đồng/năm

- Thù lao thư ký : 36.000.000 đồng/người /năm

6.2. *Thù lao, tiền lương kế hoạch của người quản lý, thù lao thư ký năm 2019*

- Thù lao người quản lý:

+ Thù lao của Chủ tịch HĐQT: 108.000.000 đồng/người/năm.

+ Thù lao Thành viên Hội đồng quản trị 126.000.000 đồng/02 người/năm.

+ Thù lao Ban kiểm soát: 132.000.000 đồng/02 người /năm.

* *Tổng quỹ thù lao kế hoạch của người quản lý năm 2019*

$108.000.000 + 126.000.000 + 132.000.000 = 366.000.000$ đồng/năm

- Quỹ tiền lương Hội đồng quản trị: 432.000.000 đồng/người/năm

- Quỹ tiền lương của người quản lý: 1.202.065.920 đồng/03 người/năm

* *Tổng quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý năm 2019*

$432.000.000 + 1.202.065.920 = 1.634.065.920$ đồng/năm

- Thù lao thư ký: 36.000.000 đồng/người/năm

7. Thông qua tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015 – 2020 gồm các Ông/Bà có tên sau:

SỐ TT	Miễn nhiệm	Bổ nhiệm
1	Ông Trần Văn Sỹ - Chủ tịch HĐQT	Ông Quốc Hồ Đình Tuấn – Chủ tịch HĐQT
2		Ông Lê Văn Huy – Thành viên HĐQT

8. Thông qua tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019.

Việc thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một đơn vị kiểm toán trong danh sách các đơn vị kiểm toán theo tờ trình số 04/TTr/BKS ngày 18/2/2019 của Ban Kiểm soát.

9. Thông qua tờ trình nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.

10. Thông qua tờ trình Quy chế nội bộ quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.

Điều 2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu được lập và thông qua trước Đại hội với tỷ lệ thống nhất 100% cổ đông có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

Điều 3. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký. Tất cả các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban, xí nghiệp trực thuộc Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA *Tung*



Trần Văn Sỹ

Số: 01/BB-DHĐCD

Bạc Liêu, ngày 19 tháng 9 năm 2019

**BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU**

- Tại trụ sở: Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu;
- Địa chỉ trụ sở công ty: Số 92 đường Lê Duẩn, khóm 7, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu;
- Mã số doanh nghiệp: 1900605680;

Hôm nay, vào lúc 13 giờ, ngày 19 tháng 09 năm 2019 (thứ năm) tại Hội trường Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu, Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu (Sau đây viết tắt là Công ty) đã được tiến hành.

I. Thành phần tham dự Đại hội:

1. Ông Trần Văn Sỹ - Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tọa;
2. Ông Võ Minh Trang - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc;
3. Bà Quách Thụy Phương Thảo - Trưởng Ban kiểm soát;
4. Đại diện Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC):
 - Ông Quốc Hồ Đình Tuấn - Phó Giám đốc;
 - Ông Lê Văn Huy - Chuyên viên;
5. Tất cả các cổ đông có tên trong danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu tại thời điểm chốt danh sách ngày 06/9/2019 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

II. Khai mạc Đại hội:

1. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.
Số lượng cổ đông được mời tham dự Đại hội là 118 cổ đông tương ứng với tổng số cổ phần của công ty là 11.168.800 cổ phần.

Trong đó:

- Số cổ đông có mặt: 54 cổ đông; tương đương 99,11% cổ phần;
- Số cổ đông vắng mặt: 64 cổ đông; tương đương 0,89% cổ phần.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu, Đại hội đồng cổ đông thường

niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu là hợp pháp, hợp lệ và đủ điều kiện để tiến hành.

2. Thông qua Chương trình Đại hội và Dự thảo quy chế làm việc của Đại hội, 100% cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội đã biểu quyết thông qua.

3. Giới thiệu Ban chủ tọa, gồm các thành viên sau:

- Ông Trần Văn Sỹ - Chủ tịch Hội đồng quản trị - Chủ tọa;
- Ông Võ Minh Trang - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty - Thành viên.
- Ông Quốc Hồ Đình Tuấn - PGĐ. Chi nhánh phía Nam Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước.

4. Chủ tọa giới thiệu nhân sự thư ký Đại hội:

- Bà Liên Ngọc Trân.

5. Trình Đại hội thông qua danh sách Ban kiểm phiếu, gồm:

- Ông Nguyễn Hoàng Anh Vũ - Trưởng ban;
- Ông Lai Trường Giang - Thành viên;
- Ông Nguyễn Hữu Tài - Thành viên.

III. Nội dung của Đại hội:

1. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018, nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu, Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán:

Đại hội được nghe ông Võ Minh Trang, Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu trình bày Báo cáo số 11A/BC-CTY ngày 15/02/2019 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu về việc Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 và Tờ trình số 05/TTr-HĐQT ngày 17/7/2019 của Hội đồng quản trị Công ty về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán, cụ thể như sau:

1.1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018
I	Chỉ tiêu sản xuất			
1	Sản lượng nước khai thác	m ³	7.439.446	7.737.706
2	Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	6.566.586	6.891.366
II	Chỉ tiêu kinh doanh			
1	Tổng doanh thu	Đồng	51.252.890.000	54.354.435.067
2	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	6.583.470.000	7.595.193.237
3	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	5.266.780.000	6.051.412.211

1.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2019
I	Chỉ tiêu sản xuất		
1	Sản lượng nước khai thác	m ³	8.047.214
2	Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	7.166.712
II	Chỉ tiêu kinh doanh		
1	Tổng doanh thu	Đồng	56.418.030.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	8.224.740.000
3	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	6.579.790.000
4	Giá đầu tư cải tạo, sửa chữa	Đồng	30.000.000.000

Kết quả biểu quyết

- Đồng ý: 11.069.600 cổ phần, đạt 99,99%
- Không có ý kiến: 200 cổ phần, đạt 0,01%

Đại hội thống nhất thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu với tỷ lệ số phiếu thuận là 99,99%.

1.3. Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu đã được kiểm toán theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, một số chỉ tiêu tài chính cơ bản như:

- Tổng tài sản tại ngày 31/12/2018 đạt 128.877.236.162 đồng;
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31/12/2018 đạt 111.688.000.000 đồng;
- Lợi nhuận trước thuế của năm tài chính 2018 đạt 7.595.193.237 đồng;
- Lợi nhuận sau thuế của năm tài chính 2018 đạt 6.051.412.211 đồng.

Kết quả biểu quyết

- Đồng ý: 11.069.600 cổ phần, đạt 99,99%
- Không có ý kiến: 200 cổ phần, đạt 0,01%

Đại hội thống nhất thông qua Tờ trình Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán với tỷ lệ số phiếu thuận là 99,99%.

2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu:

Ông Trần Văn Sỹ, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty, đại diện Hội đồng quản trị trình bày Báo cáo số 01/BC-HĐQT ngày 12/02/2019 của Hội đồng quản trị về hoạt động năm 2018 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.

Kết quả biểu quyết

- Đồng ý: 11.069.600 cổ phần, đạt 99,99%.
- Không có ý kiến: 200 cổ phần, đạt 0,01%.

Đại hội thống nhất thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu với tỷ lệ số phiếu thuận là 99,99%.

3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu:

Đại hội được nghe Bà Quách Thụy Phương Thảo, Trưởng Ban kiểm soát, Đại diện Ban kiểm soát trình bày Báo cáo số 05/BC-BKS ngày 18/02/2019 của Ban kiểm soát về hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.

Kết quả biểu quyết

- Đồng ý: 11.069.600 cổ phần, đạt 99,99%.
- Không có ý kiến: 200 cổ phần, đạt 0,01%.

Đại hội thống nhất thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu với tỷ lệ số phiếu thuận là 99,99%.

4. Ông Võ Minh Trang, Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty trình bày Tờ trình số 21/TTr-HĐQT ngày 09/9/2019 của Hội đồng quản trị về trích lập các quỹ và mức chia cổ tức năm 2018; phương án trích lập các quỹ và mức cổ tức năm 2019, cụ thể như sau:

4.1. Trích lập các quỹ và mức chia cổ tức năm 2018:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tỷ lệ %	Số tiền
1	Quỹ thưởng người quản lý	Đồng	02	121.028.244
2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Đồng	35	2.117.994.274
3	Chia cổ tức	Đồng	62	3.745.984.000
4	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm sau	Đồng	01	66.405.693

4.2. Phương án trích lập các quỹ và mức cổ tức năm 2019:

Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu lợi nhuận sau thuế được thực hiện như sau:

- Trích tỷ lệ chia cổ tức từ 3,7% vốn điều lệ trở lên.
- Mức chi khen thưởng phúc lợi cho người lao động và quỹ thưởng người quản lý sẽ được chủ sở hữu phê duyệt sau khi có kết quả kinh doanh thực tế năm 2019.

Kết quả biểu quyết

- Đồng ý: 11.069.600 cổ phần, đạt 99,99%.

- Không có ý kiến: 200 cổ phần, đạt 0,01%.

Đại hội thống nhất thông qua Tờ trình trích lập các quỹ và mức chia cổ tức năm 2018; phương án trích lập các quỹ và mức cổ tức năm 2019 với tỷ lệ số phiếu thuận là 99,99%.

5. Tờ trình số 19/TTr-HĐQT ngày 09/9/2019 thông qua thù lao, tiền lương thực hiện của người quản lý và thư ký năm 2018 và thù lao, tiền lương kế hoạch của người quản, thư ký năm 2019.

Kết quả biểu quyết

- Đồng ý: 11.066.000 cổ phần, đạt 99,97%.

- Không có ý kiến: 3.800 cổ phần, đạt 0,03%.

Đại hội thống nhất thông qua Tờ trình thù lao, tiền lương thực hiện của người quản lý và thư ký năm 2018 và thù lao, tiền lương kế hoạch của người quản, thư ký năm 2019 với tỷ lệ số phiếu thuận là 99,97%.

6. Tờ trình số 22/TTr-HĐQT ngày 09/9/2019 của Hội đồng quản trị về việc miễn nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015-2020 tại Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.

Kết quả biểu quyết

- Đồng ý: 11.067.000 cổ phần, đạt 99,97%.

- Không có ý kiến: 2.800 cổ phần, đạt 0,03%.

Đại hội thống nhất thông qua Tờ trình về việc miễn nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015-2020 tại Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu với tỷ lệ số phiếu thuận là 99,97%.

7. Bà Quách Thụy Phương Thảo trình bày Tờ trình số 06/TTr-BKS ngày 23/02/2018 của Ban kiểm soát về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.

Kết quả biểu quyết

- Đồng ý: 11.067.000 cổ phần, đạt 99,97%.

- Không có ý kiến: 2.800 cổ phần, đạt 0,03%.

Đại hội thống nhất thông qua Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu với tỷ lệ số phiếu thuận là 99,97%.

8. Tờ trình số 20/TTr-HĐQT ngày 09/9/2019 của Hội đồng quản trị về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.

Kết quả biểu quyết

- Đồng ý: 11.069.600 cổ phần, đạt 99,99%.

- Không có ý kiến: 200 cổ phần, đạt 0,01%.

Đại hội thống nhất thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu với tỷ lệ số phiếu thuận là 99,99%.

9. Tờ trình số 23/TTr-HĐQT ngày 09/9/2019 của Hội đồng quản trị thông qua Quy chế nội bộ quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.

Kết quả biểu quyết

- Đồng ý: 11.069.600 cổ phần, đạt 99,99%.
- Không có ý kiến: 200 cổ phần, đạt 0,01%.

Đại hội thống nhất thông qua Tờ trình thông qua Quy chế nội bộ quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu với tỷ lệ số phiếu thuận là 99,99%.

10. Hội đồng quản trị mới của nhiệm kỳ 2015-2020 nhất trí bầu ông Quốc Hồ Đình Tuấn; CMND số: 025025375 giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.

11. Thư ký Đại hội Thông qua Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.

Đại hội thống nhất thông qua Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu với tỷ lệ số phiếu thuận là 100%.

12. Thư ký Thông qua Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Thư ký thông qua Biên bản Đại hội do thư ký ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung trong suốt thời gian diễn ra Đại hội.

Đại hội thống nhất nội dung Biên bản không có ý kiến đóng góp, bổ sung.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu bế mạc lúc 16 giờ 30 phút, ngày 19/9/2019, biên bản Đại hội được đăng tải trên trang thông tin Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, website của Công ty để thông tin đến toàn thể cổ đông của Công ty.

THƯ KÝ



Liên Ngọc Trân

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Trần Văn Sỹ

Số: MA/BC-CTY

Bạc Liêu, ngày 15 tháng 02 năm 2019

BÁO CÁO ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và
Nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

A. TỔNG KẾT TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, nay Công ty báo cáo, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và kết quả đạt được của hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 cũng như đề ra phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch, biện pháp phát triển sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty cổ phần Cấp nước Bạc Liêu như sau:

I. Đặc điểm tình hình chung của năm 2018:

1. Đánh giá chung:

Thực hiện Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 08/11/2017 của UBND tỉnh Bạc Liêu về việc Ban hành kế hoạch điều chỉnh định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp trong giai đoạn 2020 – 2025 và tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, theo chủ trương đó trong năm 2018 công ty đã đầu tư cải tạo và mở rộng nhiều tuyến ống, nâng tổng chiều dài mạng lưới ống cấp nước từ 323km (cuối năm 2017) lên 341 km, góp phần tăng trưởng doanh thu, đồng thời đáp ứng được nhu cầu sử dụng nước sạch cho người dân thành phố.

Đến nay, tỷ lệ cấp nước sạch đạt hơn 95%, hướng đến mục tiêu đạt 100% vào năm 2025; Tiêu chuẩn cấp nước bình quân đạt gần 120 lít/người/ngày đêm; Thực hiện tốt việc cấp nước an toàn, chất lượng nước đạt quy chuẩn của Bộ Y tế và được cung cấp liên tục 24/24 giờ; Áp lực nước trên toàn mạng được duy trì đảm bảo nhu cầu sử dụng của khách hàng; Tỷ lệ thất thoát nước ở mức thấp đạt được kế hoạch dưới 12%,...;

Kết quả kinh doanh hàng năm đều đạt mức tăng trưởng khá với lợi nhuận năm nay tăng trên 10%. Tuy nhiên, so với đầu tư tài chính thì lợi nhuận Công ty không cao nên tỷ lệ chia cổ tức chưa được như mong muốn của cổ đông (tỷ lệ cổ tức đạt 3,41%/năm); Áp lực nước ở một số điểm chưa đạt yêu cầu; Chưa có biện pháp hữu hiệu để cảnh báo tác động gây hư hại đường ống cấp nước; Việc đầu tư mở rộng chưa đáp ứng hết nhu cầu sử dụng nước của người dân thành phố,...

Ban điều hành, các tổ chức Đoàn thể Công ty đặc biệt quan tâm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho Người lao động, tiền lương năm sau luôn cao hơn năm trước, các chế độ phúc lợi cho Người lao động được cải thiện và nâng cao.

Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh Công ty có một số thuận lợi và khó khăn như sau:

2. Thuận lợi:

Luôn nhận được sự hỗ trợ từ các cơ quan ban ngành có liên quan;

Chất lượng nước luôn đảm bảo và thời gian cung cấp nước liên tục trong ngày nên tạo được sự tin tưởng của khách hàng;

Cơ cấu tổ chức công ty được xây dựng hợp lý, đội ngũ người lao động của công ty có trình độ, năng lực, kinh nghiệm và tận tâm với công việc;

Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong hoạt động cấp nước cũng như xây dựng hệ thống mạng cấp nước, giảm tỷ lệ thất thoát nước, nâng cao chất lượng nước;

Đặc thù của sản phẩm nước sạch là không có sự cạnh tranh trên địa bàn Công ty cung cấp nên hoạt động cấp nước mang tính ổn định cao.

3. Khó khăn:

Vốn đầu tư phát triển mới hệ thống cấp nước chủ yếu dựa vào nguồn vốn trích khấu hao hàng năm của công ty, do đó chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển của thành phố, chưa đáp ứng hết nhu cầu sử dụng nước của người dân, nhất là khu vực ngoại ô chi phí đầu tư hệ thống cấp nước còn cao. Trong khi đó dân cư lại ít, mang lại hiệu quả không cao nên khó khăn về vốn đầu tư để đảm bảo đáp ứng 100% người dân thành phố sử dụng nước sạch của Công ty;

Tình trạng bể ống nước thường xuyên do đơn vị thi công gây ra đã ảnh hưởng đến cấp nước cho khách hàng bị gián đoạn, ảnh hưởng đến sinh hoạt và sản xuất; đồng thời gây tốn kém chi phí khắc phục, gây thất thoát lượng nước không nhỏ, ...Đối tượng gây hư hại thì “dây dưa” không đóng tiền đền bù, trong khi đó Công ty chưa có chế tài xử lý nghiêm để tránh tình trạng này xảy ra gây tổn kém cho Công ty và khách hàng;

Các trang thiết bị của 02 nhà máy xử lý nước đã được đầu tư xây dựng nhiều năm, hoạt động liên tục hết công suất nay đã xuống cấp nên chi phí bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo nhà máy hàng năm tương đối lớn.

II. Kết quả sản xuất kinh doanh của năm 2018:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh chính:

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	So sánh (%)
1	Sản lượng nước khai thác	m ³	7.439.446	7.737.706	104
2	Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	6.566.586	6.891.366	104
3	Tổng doanh thu	Tr. đồng	51.252,89	54.354,44	106
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	5.266,78	6.051,41	115
5	Nộp ngân sách	Tr. đồng	1.316,69	1.543,78	117

2. Kết quả thực hiện của một số lĩnh vực khác:

2.1. Lĩnh vực quản lý, chăm sóc và phát triển khách hàng:

2.1.1. Kết quả:

Trong năm 2018, công tác quản lý, chăm sóc và phát triển khách hàng đã thực hiện được một số chỉ tiêu công tác cụ thể như sau:

Số TT	Công tác	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Ghi chú
1	Phát triển khách hàng mới	KH	1.540	
2	Tiếp nhận đơn vô nước của khách hàng	KH	1.825	
3	Tiếp nhận khiếu nại của khách hàng	Vụ	780	
4	Xử lý khiếu nại của khách hàng	Vụ	775	

Tập trung tăng cường công tác xử lý công nợ tiền sử dụng nước, triển khai nhiều phương thức thu tiền nước nên đã làm giảm tỷ lệ nợ tồn đọng;

Triển khai thu bằng hóa đơn điện tử, in giấy báo tại chỗ, thí điểm ghi thu đồng thời một số tuyến đường, bước đầu mang lại hiệu quả và sẽ đánh giá nhân rộng áp dụng cho toàn thành phố;

Tăng cường nhân viên ghi thu đồng hồ nước kết hợp phát triển khách hàng nước uống đóng chai và đã tạo sự tăng trưởng qua từng tháng cả về sản lượng lẫn số khách hàng sử dụng;

Công tác ghi chỉ số đồng hồ đã hạn chế được tình trạng ghi không, ghi không chính xác nên số vụ khiếu nại, yêu cầu điều chỉnh của khách hàng giảm đáng kể tạo được niềm tin trong khách hàng sử dụng nước;

Phân công người triển khai thủ tục vào nước đến từng nhà của khách hàng cho những tuyến đường công ty mới phát triển;

Phát triển công tác giao khoán thu hộ đã mang lại hiệu quả, tiết kiệm được chi phí cho công ty và giảm được số lao động trong năm qua.

2.1.2. Tồn tại:

Bên cạnh những kết quả mà lĩnh vực quản lý, chăm sóc và phát triển khách hàng đạt được như trên thì còn một số tồn tại như sau:

- Việc triển khai thu hộ qua ngân hàng chưa thu hút được nhiều khách hàng tham gia chưa đủ bù với khách hàng phát triển mới, đồng thời ảnh hưởng đến việc sắp xếp phân công lao động bổ sung cho các bộ phận khác nhằm cải thiện năng suất lao động tăng thêm thu nhập cho nhân viên;

- Một số khách hàng còn nợ tiền nước kéo dài nhiều năm, tồn thu hóa đơn tiền nước theo chuẩn thu hàng tháng vẫn còn cao và việc thu nộp tiền của nhân viên còn tập trung vào cuối tháng làm ảnh hưởng đến việc cân đối thu chi thường xuyên trong tháng;

- Công tác thông tin đến khách hàng về những sự cố liên quan làm gián đoạn việc cấp nước để khách hàng chủ động trong sản xuất sinh hoạt, cũng như các giải đáp thắc mắc của khách hàng chưa tốt theo mong muốn;

- Việc phát triển khách hàng sử dụng nước sinh hoạt không đạt theo kế hoạch do địa bàn còn lại ở xa trung tâm, chi phí đầu tư cao, khách hàng ít và hệ thống mạng lưới cấp nước chưa đồng bộ dẫn đến áp lực yếu không thể đầu tư mở rộng thêm;

- Xưởng sản xuất nước uống đóng chai hoạt động từ tháng 11 năm 2017 nhưng do trong thời gian đầu chính sách bán hàng chưa thật sự phù hợp dẫn đến hiệu quả chưa cao, 6 tháng cuối năm 2018 Công ty đã Quyết định thay đổi chính sách bán hàng qua đó sản phẩm được bán qua nhiều kênh phân phối khác nhau như bán qua nhiều đại lý, bán lẻ trực tiếp vì vậy doanh thu đã dần được cải thiện.

2.2. Lĩnh vực quản lý và phát triển mạng lưới cấp nước:

2.2.1. Kết quả:

Định kỳ xả nước ở những điểm cuối nguồn đảm bảo nước cung cấp đến khách hàng đạt chất lượng theo các tiêu chuẩn quy định của Bộ Y tế;

Kịp thời khắc phục các sự cố liên quan đến đường ống cấp nước góp phần duy trì cấp nước liên tục cho người sử dụng;

Thực hiện tốt công tác quản lý mạng lưới cấp nước trên khu vực nên đã duy trì được tỷ lệ thất thoát dưới 12%, góp phần làm giảm chi phí sản xuất và tiết kiệm được nguồn tài nguyên thiên nhiên;

Thường xuyên kiểm tra tuyến ống cấp nước trên các vùng nhằm phát hiện kịp thời tình trạng bề ống gây thất thoát, gian lận sử dụng nước; điều chỉnh áp lực cung cấp nước kịp thời ở các vùng, đảm bảo áp lực cấp nước phục vụ khách hàng ở những nơi bất lợi nhất.

2.2.2. Tồn tại:

Chưa có biện pháp cảnh báo hiệu quả dẫn đến tình trạng các công trình thi công làm bề ống của Công ty, đặc biệt tuyến đường Cao Văn Lầu là thường xuyên. Nếu thực hiện tốt hơn nữa công tác này sẽ góp phần cấp nước liên tục cho khách hàng, làm giảm chi phí cho

Công ty, giảm thất thoát nước và không gây chi phí nợ phải trả cho các đơn vị, cá nhân làm bể ống nước;

Một số ít khu vực áp lực nước còn thấp, cũng như chất lượng chưa đảm bảo theo yêu cầu dẫn đến khách hàng còn khiếu nại, thắc mắc.

2.3. Lĩnh vực Tổ chức, hành chính, lao động, tiền lương, công nghệ thông tin:

2.3.1. Kết quả:

a) Công tác Tổ chức, lao động, tiền lương:

- Tổ chức theo dõi giám sát việc tuân thủ ngày giờ công và đồng phục theo qui định đối với người lao động;

- Giám sát việc tuân thủ qui định về Văn hóa doanh nghiệp;

- Tổ chức đánh giá Ban Tổng GD và lãnh đạo các Phòng, XN theo Qui chế tuyển dụng lao động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại...

- Tổ chức thực hiện kê khai tài sản, thu nhập năm 2018 và công khai tại Công ty theo Nghị định 78;

- Tham mưu BDH và tiến hành các thủ tục bổ nhiệm 01 lãnh đạo Công ty (*Ông Nguyễn Thanh Tuấn*); điều động 03 trường hợp: 02 lãnh đạo (*là ông Huỳnh Quốc Bảo và ông Lê Minh Thiện*) và 01 là người lao động (*ông Võ Minh Út*).

- Tiến hành các thủ tục xử lý kỷ luật sa thải đối với 04 nhân viên vi phạm nội quy lao động của Công ty;

- Giải quyết cho thôi việc theo nguyện vọng đối với 06 trường hợp.

- Giải quyết các chế độ cho 03 người quản lý, người lao động đến tuổi nghỉ hưu (*Ông Lê Văn Sơn, Trần Sỹ Khương và Phạm Văn Minh*).

- Tham gia các phiên toà xét xử đối với vụ kiện 03 lao động bị sa thải ở 2 cấp sơ thẩm và phúc thẩm.

- Lập báo cáo tình hình sử dụng lao động, báo cáo Quỹ tiền lương, tiền thưởng NLĐ, NQL năm 2017 và xây dựng Kế hoạch năm 2018.

- Tham mưu Hội đồng lương xây dựng và ban hành áp dụng thang bảng lương theo phương pháp 3P.

b) Công tác Đào tạo:

Ngoài gửi đào tạo lớp nghiệp vụ cấp thoát nước tại trường Đại học xây dựng Miền Tây, trong năm đã tổ chức được các lớp như: nghiệp vụ định giá xây dựng; giám sát công trình xây dựng; kỹ thuật hàn ống HDPE; kiến thức cơ bản về quy trình xử lý nước và một số lớp khác theo kế hoạch đã đặt ra.

c) Công tác Quản trị hành chính và Lưu trữ:

- Phối hợp với đơn vị Tư vấn: Đào tạo, xây dựng xong bộ tài liệu ISO 9001:2015 và đã được công nhận đạt chuẩn ISO 9001:2015.

- Tiếp nhận hồ sơ của các Phòng, Xí nghiệp đưa vào kho lưu trữ.

d) Công tác An toàn lao động và PCCN:

- Đã xây dựng kế hoạch và tổ chức tập huấn ATLĐ cho người lao động; đồng thời tổ chức tập huấn PCCC và diễn tập phương án chữa cháy tại chỗ theo qui định.

e) Công tác quản lý công nghệ thông tin:

- Áp dụng phần mềm thu tiền nước bằng HDDT;

- Triển khai phần mềm ghi – thu đồng thời bằng thiết bị cảm tay;

- Thiết kế xong và đã áp dụng phần mềm Phát triển kinh doanh nước uống đóng chai (*Phát sinh so với Kế hoạch*);

- Đưa vào sử dụng các phần mềm Quản lý tài sản; Quản lý Vật tư;

- Cập nhật, điều chỉnh, quản lý: Các phần mềm, website Công ty.

f) Công tác thi đua khen thưởng:

- Đã tổ chức phát động thi đua và triển khai cho NLD đăng ký thi đua năm 2018 tại HN NLD.

- Đã triển khai bình xét thi đua, khen thưởng năm 2018.

- Đã tiến hành các thủ tục để đăng ký thi đua cụm 9 (khối Doanh nghiệp do Công ty Điện lực làm cụm trưởng).

- Đang xây dựng báo cáo thi đua khen thưởng cụm 9 (chờ các số liệu SXKD của Công ty được kiểm toán).

g) Xây dựng, điều chỉnh Quy định, Quy chế

- Đã tham mưu Ban Tổng Giám đốc điều chỉnh và ban hành nhiều Quy chế, Quy định như: Quy chế trả lương theo 3P; Quy chế trả lương NLD; Quy chế tuyển dụng, bổ nhiệm; Quy chế quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ, ...

2.3.2. Tồn tại:

Do một số lớp đào tạo, tập huấn phụ thuộc đơn vị bên ngoài hoặc Công ty không còn nhu cầu đào tạo nên trong năm Phòng chưa phối hợp tổ chức được. Phòng đã xin ý kiến và được Tổng Giám đốc đồng ý xóa khỏi kế hoạch những lớp này và một số lớp đã đăng ký tham gia với Hội CTN VN nhưng Hội không tổ chức.

2.4. Lĩnh vực sản xuất nước sạch:

2.4.1. Kết quả:

Bám sát kế hoạch năm, Xí nghiệp tiến hành thực hiện công tác đầu tư nâng cấp và bảo trì nhà máy theo đúng kế hoạch. Cụ thể, trong năm Xí nghiệp cũng đã tiến hành thay thế một số thiết bị như bơm chìm cho các giếng, lắp đặt hệ thống trung hòa Clo rò rỉ tại 2 nhà máy, tiến hành lắp đặt thêm hệ thống bơm cấp 2 với lưu lượng 200 m³/h cho nhà máy nước số 1 nhằm bổ sung thêm lưu lượng nước cung ra mạng để đáp ứng ngày càng cao nhu cầu nước của khách hàng, tiếp nhận 1 giếng khoan mới thay cho giếng 14 bị giải tỏa, tiếp nhận 1 bể chứa bùn và đã cho nạo vét được 1 phần bùn của nhà máy số 2, sửa chữa sơn mới lại 2 nhà máy.... Ngoài ra các công tác khác như bảo trì các thiết bị nhằm đảm bảo 2 nhà máy hoạt động sản xuất cấp nước liên tục và đầy đủ theo nhu cầu người sử dụng.

Tổ chức vận hành sản xuất ổn định dây chuyền nước uống đóng chai, sự hỗ trợ đoàn kết, chia sẻ công việc của tập thể bộ phận này đã góp phần vào hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian qua.

STT	Chỉ tiêu	DVT	Kế hoạch	Thực hiện	So sánh
1	Sản lượng nước khai thác	m ³	7.439.446	7.737.706	104
2	Sản lượng nước bơm ra mạng	m ³	7.389.238	7.691.366	104
4	Sản lượng nước rửa lọc	m ³	37.632	33.274	88
5	Điện năng tiêu thụ	KWh	2.889.522	2.968.059	103
6	Sản lượng điện chạy bằng dầu diesel	KWh	18.908	14.296	75
7	Lượng dầu diesel tiêu thụ chạy máy phát điện	lít	4.973	3.639	73
8	Hóa chất Clo sử dụng	kg	28.802	30.350	105

2.4.2. Tồn tại:

Một số trang thiết bị đo đếm của 2 nhà máy đã hư hỏng nhưng do đây là những thiết bị nhập khẩu nên thời gian chờ giao hàng lâu do đó không thay thế được trong năm 2018.

Nguồn nước thô bị thiếu trong các giờ cao điểm, trong khi 02 nhà máy đã hoạt động gần hết công suất nên đôi lúc việc cấp nước còn thiếu ở một số khu vực; đồng thời không có giếng nước thô dự phòng thay thế trong trường hợp giếng khác ngưng hoạt động;

Độ cứng từ nguồn nước khai thác của giếng để sản xuất cấp sinh hoạt còn cao vượt tiêu chí cho phép theo quy định.

2.5. Lĩnh vực Kế hoạch, Kỹ thuật :

2.5.1. Kết quả:

*** Công tác kế hoạch, vật tư**

- Cung ứng vật tư đảm bảo chủng loại, chất lượng, đáp ứng đầy đủ, kịp thời theo nhu cầu sử dụng của Công ty;

- Tham mưu Ban TGD lập kế hoạch phát triển, tổ chức giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD trong năm 2018.

*** Công tác giám sát, khảo sát, thiết kế lắp đặt ống nhánh**

Thiết kế vô nước mới cho 1.788 khách hàng, khảo sát thiết kế hơn 17 công trình do Công ty làm chủ đầu tư và giám sát thi công hoàn thành đưa vào sử dụng với giá trị hơn 20 tỷ đồng;

Tham gia giám sát các công trình xây dựng do Công ty làm chủ đầu tư và các công trình do đơn vị khác làm chủ đầu tư;

Tham mưu kịp thời cho Ban TGD các công việc phát sinh liên quan đến đền bù giải tỏa, xử lý vướng mắc,...theo yêu cầu của UBND thành phố Bạc Liêu về xử lý một số vấn đề cấp bách của thành phố;

Tham gia khảo sát, xử lý dứt điểm các khiếu nại của khách hàng kịp thời nhanh chóng.

2.5.2. Tồn tại:

- Giấy phép khai thác nước chưa được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp phép, mặc dù hồ sơ đã được Công ty thuê đơn vị tư vấn lập và nộp đầy đủ từ rất lâu về Cục quản lý;

- Chưa thực hiện tốt việc tách bạch, đề xuất xử lý tài sản giảm khi đầu tư tài sản khác thay thế; cũng như việc giám sát, nhắc nhở các bộ phận thực hiện báo cáo đúng mẫu theo quy định.

2.6. Lĩnh vực Tài chính:

2.6.1. Kết quả:

- Thực hiện đúng các qui định của Luật Kế toán, phản ánh đầy đủ, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và kiểm soát chứng từ thanh toán hợp pháp, hợp lý;

- Tham mưu đề xuất quản lý tiết kiệm chi phí trong quá trình sản xuất kinh doanh góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch về tài chính và nâng mức hỗ trợ góp phần nâng cao đời sống vật chất cũng như tinh thần cho người lao động;

- Thực hiện trích lập quỹ dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá hàng tồn kho nhằm bù đắp khoản tổn thất do không có khả năng thu hồi.

- Ngoài các công việc thường xuyên Phòng còn thực hiện những việc theo quy định như sau:

+ Kiểm kê định kỳ tài sản, nguồn vốn, đối chiếu công nợ theo quy định;

+ Chi trả tiền lương hàng tháng và các khoản trích theo lương như BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ kịp thời, đầy đủ đúng quy định;

+ Lập Báo cáo tài chính năm 2018 thông qua kiểm toán độc lập, công bố thông tin theo quy định đối với công ty đại chúng;

- Kịp thời tham mưu cho Người đại diện vốn, Ban TGD thực hiện đúng chủ trương của Chính phủ, phương án thoái vốn của UBND tỉnh trong việc thực hiện thoái toàn bộ vốn Nhà nước tại Công ty.

2.6.2. Tồn tại:

Tình hình công nợ tiền nước, nợ tiền thiệt hại do các đơn vị, cá nhân làm bể ống chưa giải quyết dứt điểm;

Vật tư tồn kho còn ở mức cao dẫn đến chưa phát huy hết hiệu quả trong việc sử dụng vốn.

3. Những tồn tại, yếu kém của năm qua và hướng khắc phục

a. Tồn tại yếu kém:

Bên cạnh những thành quả công ty đạt được trong năm qua thì vẫn còn một số hạn chế, yếu kém:

- Một số nhiệm vụ kế hoạch đề ra chưa thực hiện được;
- Tình hình công nợ tiền nước, nợ tiền thiệt hại do các đơn vị, cá nhân làm bể ống chưa giải quyết dứt điểm;
- Một số ít người lao động ở một số phòng, Xí nghiệp còn ít việc, trong khi chỗ nhiều việc thì người lao động trong Công ty không đáp ứng về yêu cầu trình độ chuyên môn;
- Một số phòng, xí nghiệp chưa chủ động giải quyết công việc, cũng như trong tham mưu đề xuất với Ban lãnh đạo Công ty,....;

b. Giải pháp khắc phục:

- Công ty và các phòng, xí nghiệp cần xây dựng tổ chức các hình thức gặp gỡ để nhắc nhở tinh thần, trách nhiệm của người lao động, đồng thời xây dựng các phong trào thi đua lao động sản xuất trong toàn công ty;
- Ban Tổng Giám đốc, các Trưởng, Phó phòng, xí nghiệp tăng cường công tác giám sát và đôn đốc thực hiện nhiệm vụ của cấp dưới; Mỗi cấp lãnh đạo là tấm gương cho người lao động noi theo;
- Khen thưởng kịp thời những người tích cực, sáng tạo,... trong lao động sản xuất, đồng thời nhắc nhở, xử lý đối với những cá nhân lánh nặng, tìm nhẹ, thoái thác trong công việc;

B. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2019:

I. Phương hướng phát triển SXKD năm 2019:

Hoạt động chủ yếu của Công ty là cung cấp nước sạch sinh hoạt, đây là mặt hàng thiết yếu của người dân. Vì vậy, trong những năm qua Công ty tập trung phát triển mạng lưới cấp nước trong khu vực Công ty quản lý, hiện nay mạng lưới cấp nước Công ty cơ bản phủ kín khu vực nội ô thành phố Bạc Liêu. Do đó, trong năm 2019 Công ty tập trung nguồn vốn xây dựng trạm cấp nước để bổ sung nguồn nước bị thiếu, đồng thời cải thiện áp lực một số khu vực áp lực chưa đạt yêu cầu. Song song thực hiện việc đảm bảo chất lượng nước theo quy định.

Ngoài ra, Công ty còn phải hướng đến cung cấp cho những khách hàng còn lại trong khu vực để đảm bảo người dân thành phố Bạc Liêu được sử dụng nước sạch, hạn chế khai thác bừa bãi gây ô nhiễm tài nguyên nước,...; đồng thời phát triển doanh thu, tăng lợi nhuận,... Mạng lưới cấp nước hiện nay cung cấp cho khoảng 95% hộ dân nội ô thành phố Bạc Liêu, hàng năm Công ty đều cân đối đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước, đảm bảo hài hòa giữa lợi ích cổ đông với phục vụ nước sạch sinh hoạt cho toàn bộ người dân thành phố.

1. Mục tiêu phát triển:

Để hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2019 phát triển phù hợp với xu thế của tỉnh, kỳ vọng của nhà đầu tư và điều kiện hiện tại Công ty đề ra các mục tiêu sau:

- Bảo toàn, phát triển nguồn vốn của Công ty; thực hiện đạt chỉ tiêu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; nâng thu nhập của người lao động Công ty;
- Thực hiện cấp nước an toàn đúng theo quy định và tăng thêm tỷ lệ cấp nước sạch trên địa bàn thành phố (theo Quyết định 2140/QĐ-TTg ngày 08/11/2016 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch cấp nước vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm

2030 và tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định 192/QĐ-UBND ngày 08/11/2017 của UBND tỉnh Bạc Liêu);

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, sản xuất kinh doanh.

2. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2019:

2.1. Các chỉ tiêu chính về sản xuất:

- Sản lượng nước khai thác: **8.047.214 m³**, tăng 4% so với năm 2018;
- Sản lượng nước bơm ra mạng: **7.999.020 m³** tăng 4% so với năm 2018;
- Sản lượng nước tiêu thụ: **7.166.712 m³**, tăng 4% so với năm 2018;
- Khách hàng sử dụng nước: **30.751** khách hàng, tăng 10% so với năm 2018;
- Tỷ lệ thất thoát nước < **12%** ;
- Thực hiện cấp nước an toàn đúng theo quy định và tăng tỷ lệ cấp nước sạch thêm 2% trên địa bàn thành phố (theo quyết định 2140/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch cấp nước vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050);

- Tiêu chuẩn cấp nước bình quân 100 lít/người/ngày đêm (theo quyết định 2140/QĐ-TTg);

2.2. Các chỉ tiêu chính về tài chính:

- Doanh thu **56.418,03** triệu đồng, tăng 4% so với năm 2018;
- Chi phí **48.193,29** triệu đồng, tăng 3% so với năm 2018;
- Lợi nhuận chưa thuế **8.224,74** triệu đồng, tăng 9% so với năm 2018;
- Lợi nhuận sau thuế **6.579,79** triệu đồng, tăng 9% so với năm 2018;
- Nộp ngân sách **1.644,95** triệu đồng, tăng 7% so với năm 2018;

2.3. Đầu tư, phát triển:

- Đầu tư cải tạo và mở rộng hệ thống cấp nước nội ô thành phố Bạc Liêu;
- Đầu tư cải tạo, xây dựng mới các hạng mục phục vụ công tác sản xuất của 02 nhà máy xử lý nước;
- Mua sắm vật tư sửa chữa dự phòng cho năm 2019 để đáp ứng kịp thời khắc phục sự cố cho nhà máy;

Ước tính tổng mức đầu tư khoảng cải tạo, mở rộng mạng lưới cấp nước, phát triển khách hàng khoảng gần 30 tỉ đồng và vốn đầu tư chủ yếu là nguồn tái đầu tư của Công ty (nguồn trích khấu hao XD/CB hàng năm).

2.4. Một số chỉ tiêu và nhiệm vụ khác:

- + Tăng cường thu hộ qua ngân hàng hoặc các ứng dụng khác nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong công tác thu hóa đơn nước và hạn chế tồn thu.
- + Phát triển doanh thu nước uống đóng chai.
- + Duy trì thất thoát < 12%.
- + Nghiên cứu đề xuất cải tạo tiến tới hoàn thiện hệ thống cấp nước....

II. Giải pháp thực hiện:

Để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019, Công ty đề ra các giải pháp sau:

1. Giải pháp về tài chính

- Tập trung tích lũy về nguồn vốn để có đủ tiềm lực về tài chính, đủ sức thực hiện các dự án đầu tư mở rộng, cải tạo, nâng công suất các nhà máy nước, mở rộng mạng lưới cấp nước nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch ngày càng cao của người dân thành phố;

- Tối đa hiệu quả sử dụng vốn bằng các biện pháp như đầu tư từng giai đoạn theo nhu cầu thị trường, phát huy tối đa công suất của các công trình đã đầu tư.

2. Giải pháp về thị trường

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về sử dụng nước sạch và nước uống đóng chai để bảo vệ sức khỏe cho người tiêu dùng;
- Thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn để khẳng định uy tín thương hiệu của Công ty, đáp ứng yêu cầu đa dạng các đối tượng khách hàng;
- Tích cực tìm kiếm, mở rộng thị trường nước uống đóng chai.

3. Giải pháp về khoa học kỹ thuật và công nghệ thông tin

- Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động sản xuất kinh doanh như: quản lý tài sản, quản lý công tác ghi thu trên nền tảng ứng dụng GIS;
- Áp dụng hệ thống thu hồi nước từ nguồn nước rửa lọc để tái sản xuất nhằm tiết kiệm chi phí và nguồn tài nguyên nước;
- Chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý điều hành thông qua việc điều khiển từ xa các giếng bơm nước thô, áp dụng những công nghệ mới trong công tác quản lý mạng lưới cấp nước, chống thất thoát...

4. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Phát huy tinh thần đoàn kết, sáng tạo, cống hiến của người lao động trong việc thực hiện chi tiết nhiệm vụ được giao của từng bộ phận, từng cá nhân góp phần thành công chung của tập thể Công ty;
- Đánh giá năng lực cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động để tiếp tục củng cố kiện toàn bộ máy quản lý điều hành theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Trên cơ sở kết quả đánh giá, công ty thực hiện công tác điều động luân chuyển cán bộ quản lý, người lao động phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề của từng người, đồng thời tạo điều kiện phát huy hết năng lực cá nhân;
- Thực hiện công tác đào tạo nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý, người lao động. Công tác đào tạo được thực hiện theo kế hoạch hàng năm, ưu tiên cho công tác đào tạo tại chỗ. Chú trọng đào tạo bồi dưỡng và tuyển dụng đội ngũ cán bộ công nhân viên có chuyên môn giỏi, có kinh nghiệm ở một số lĩnh vực quan trọng;
- Tăng cường công tác tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, kỹ năng giao tiếp của tất cả cán bộ nhân viên trong công ty nhất là đối với đội ngũ nhân viên thường xuyên tiếp xúc với khách hàng;
- Công ty xây dựng chế độ đãi ngộ phù hợp cho người lao động và có quan tâm hơn đối với người lao động có năng lực. Đồng thời xây dựng phong trào cho người lao động phấn đấu, học tập, rèn luyện để trở thành người lao động giỏi.

5. Giải pháp điều hành sản xuất kinh doanh

Triển khai quán triệt đến tất cả lãnh đạo, người lao động trong Công ty nắm rõ và thống nhất thực hiện:

- * *Biện pháp quản lý khách hàng, gia tăng sản lượng tiêu thụ nước:*
 - Thực hiện tốt dịch vụ chăm sóc khách hàng;
 - Tiếp cận, khai thác nhu cầu sử dụng nước của các khách hàng tiềm năng (có nhu cầu sử dụng nước lớn và lâu dài) để kịp thời có biện pháp phục vụ;
 - Rà soát và ban hành các quy định quản lý, cải tiến thủ tục nhằm đáp ứng yêu cầu công việc, giải quyết nhanh yêu cầu của khách hàng; tập trung thực hiện các giải pháp nâng cao tỷ lệ thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt;
- * *Biện pháp về tiết kiệm chi phí:*
 - Tiết kiệm chi phí thông qua việc chống thất thoát nước;
 - + Tăng cường công tác chống thất thoát nước, hạ tỷ lệ thất thoát <12% nhằm tiết kiệm chi phí;
 - + Tăng cường công tác quản lý đồng hồ nước, chống gian lận nước; Kết hợp cải tạo thay thế các hệ thống cấp nước bị rò rỉ thất thoát cao.

- Tiết kiệm thông qua chi phí điện năng tiêu thụ: Điện năng và chi phí điện năng là một trong những khoản mục chi phí lớn trong giá thành nước, do đó cần phải có biện pháp tiết kiệm chi phí như:

+ Ưu tiên vận hành máy bơm nước thô và thiết bị xử lý nước vào giờ thấp điểm, do có giá điện thấp sau đó bơm ra mạng lưới vào giờ cao điểm từ bể chứa;

+ Sử dụng biến tần, bơm phù hợp công suất để tăng tuổi thọ thiết bị.

- Thông qua các biện pháp giảm chi phí khác:

+ Chống lãng phí về lao động và thời gian lao động: đây là một trong những chi phí lớn trong giá thành nước do vậy cần phải có giải pháp tiết kiệm cụ thể: thường xuyên kiểm tra năng suất lao động và hiệu quả làm việc của người lao động ở từng bộ phận;

+ Xây dựng quy chế về chi tiêu nội bộ, mua sắm trang thiết bị, đầu tư công trình xây dựng đối với công trình do công ty làm chủ đầu tư;

+ Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong toàn công ty trên cơ sở chương trình hành động đã đưa ra. Liên tục đưa ra đánh giá để đảm bảo các công tác có hiệu quả cao nhất và thiết thực nhất;

+ Xây dựng chính sách khen thưởng những cá nhân, tập thể có đóng góp lớn đối với công ty, những cá nhân có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, cải tiến về mặt quản lý có hiệu quả thực sự, đồng thời mạnh dạn xử lý những cá nhân vi phạm nội quy, quy chế làm việc của công ty;

+ Phát động thường xuyên phong trào thi đua lao động sản xuất tiết kiệm chi phí, chống tham ô lãng phí, qua đó phát hiện những nhân tố tích cực, năng động sáng tạo để chăm bồi phát triển trở thành những cán bộ chủ chốt của Công ty sau này.

C. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Là Doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế thị trường thì việc vận dụng các chính sách, chế độ, chăm lo đời sống cho người lao động luôn được Ban lãnh đạo và ban Chấp hành công đoàn Công ty luôn đặc biệt quan tâm. Vì thế mà người lao động luôn yên tâm lao động sản xuất, gắn bó lâu dài với Công ty. Trong những năm qua, việc thực hiện tốt các chế độ, chính sách, quan tâm và chăm lo cuộc sống người lao động đã phát huy được nhiều tác dụng.

Với đặc trưng riêng của ngành, phần lớn công đoàn viên đều là công nhân lao động trực tiếp, hàng ngày phải tiếp xúc thường xuyên với môi trường độc hại nguy hiểm, cuộc sống phần nhiều còn lắm khó khăn, do vậy việc quan tâm, chăm lo từ vật chất đến tinh thần cho người lao động của Ban lãnh đạo và Ban chấp hành công đoàn công ty đã góp phần làm cho họ yên tâm lao động, sản xuất.

Trong năm 2018, Công ty đã tổ chức cho toàn thể người lao động nghỉ mát, tham quan du lịch nước ngoài với tổng chi phí hơn 400 triệu đồng. Ngoài ra, vào các dịp Lễ, Tết, Công ty còn phối hợp với Công đoàn hỗ trợ chi phí tàu xe cho người lao động để họ có điều kiện về quê sum họp với gia đình. Không chỉ vậy, hỗ trợ cho người lao động khi gia đình không may có ma chay hay khi gia đình có hiếu hỷ và cả ngày sinh nhật cũng được quan tâm kịp thời.

Ý thức được việc độc hại của công việc đối với đội ngũ công nhân mà đặc biệt là những công nhân công tác trong lĩnh vực vận hành chạy máy khai thác nước, đào và lắp đặt đồng hồ và hệ thống cấp nước...Hàng năm, Công đoàn Công ty đều phối hợp với Ban lãnh đạo Công ty tổ chức khám bệnh định kỳ nhằm phát hiện, điều trị kịp thời bệnh nghề nghiệp cũng như nâng cao sức khỏe cho người lao động. Đồng thời, do hàng ngày người lao động luôn phải đối mặt với những nguy hiểm nên việc trang bị đồ bảo hộ lao động hàng năm là công việc luôn đòi hỏi Ban lãnh đạo Công ty phải đặc biệt chú trọng.

Không chỉ thế, Công đoàn cơ sở còn thường xuyên phối hợp với Ban lãnh đạo Công ty tổ chức những buổi tập huấn, diễn tập, tuyên truyền về an toàn vệ sinh lao động, Phòng cháy chữa cháy... cho toàn thể đội ngũ người lao động nhằm trang bị trong mỗi người những kiến thức hữu ích và cần thiết phục vụ cho công việc để trước hết mỗi người lao động có ý thức tự bảo vệ mình, trước những khó khăn, nguy hiểm phải đối mặt.

Ý thức được vấn đề muốn Công ty phát triển một cách vững chắc thì công tác đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ người lao động cần phải được chú trọng. Do vậy trong thời gian qua, công tác đào tạo được Công ty khá coi trọng, Công ty đã mạnh dạn cử nhiều đối tượng tham dự các lớp đào tạo ngắn hạn, dài hạn với tổng chi phí hàng năm hơn trăm triệu đồng để có được một đội ngũ kế thừa giàu năng lực.

Đối với việc thực hiện 04 chế độ bảo hiểm, với chủ trương luôn vận dụng tốt và đúng những qui định của Pháp luật để bảo vệ tối đa quyền và lợi ích hợp pháp cho người lao động, chính vì vậy mà Công đoàn và Ban lãnh đạo Công ty luôn thực hiện tốt việc đóng bảo hiểm xã hội, mua bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm tai nạn con người cho 100% lao động trong Công ty góp phần làm cho người lao động yên tâm hơn trong lao động sản xuất góp phần thực hiện thắng lợi các kế hoạch của Công ty trong suốt những năm qua.

Cụ thể:

Tổng số tiền tham gia chế độ Bảo hiểm xã hội cho NLD trong năm 2018: là **1.378.627.535** đồng.

- Tổng số tiền tham gia chế độ Bảo hiểm y tế cho NLD trong năm 2018: là **236.893.921** đồng.

- Tổng số tiền tham gia chế độ Bảo hiểm thất nghiệp cho NLD trong năm 2018: là **78.778.690** đồng.

- Năm 2018, tham gia Bảo hiểm tai nạn cho 95 lao động, người quản lý với tổng số tiền là **15.675.000** đồng.

- Tổng số tiền ăn giữa ca đã chi trả cho người lao động trong năm 2018 là **779.161.306** đồng.

- Đã tiến hành các thủ tục nghỉ hưu cho 03 trường hợp và giải quyết chế độ thôi việc cho 06 trường hợp theo đúng qui định của pháp luật, tổng số tiền đã chi trả theo chế độ là **110.818.026** đồng.

Trên đây là Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch, biện pháp phát triển sản xuất kinh doanh 2019; tình hình thực hiện các chế độ, chính sách liên quan đến quyền, lợi ích cho người lao động năm 2018 của Công ty cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.

Nơi nhận:

- HN NLD 2019;
- Lưu: VT, TCHC.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Võ Minh Trang

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu được Đại Hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 19/12/2015,

Căn cứ danh sách các đơn vị kiểm toán đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 chấp thuận tại Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2018, theo đó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu có Công văn số 02/CV-HĐQT ngày 22/11/2018 về việc chọn Công ty TNHH Kiểm toán Vaco là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty.

Báo cáo tài chính năm 2018 đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải tại website của Công ty (<http://capnuocbaclieu.com.vn>), bao gồm:

1. Báo cáo của kiểm toán viên;
2. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018;
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018;
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
5. Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trong đó, một số chỉ tiêu tài chính cơ bản như sau:

STT	Chỉ tiêu cơ bản	ĐVT	Báo cáo tài chính
1.	Tổng tài sản	Đồng	128.877.236.162
-	Tài sản ngắn hạn	Đồng	31.210.232.235
-	Tài sản dài hạn	Đồng	97.667.003.927
2.	Tổng nguồn vốn	Đồng	128.877.236.162
-	Nợ phải trả	Đồng	16.469.659.008
-	Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	112.407.577.154
3.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Đồng	111.688.000.000
4.	Tổng doanh thu	Đồng	54.354.435.067
5.	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	7.595.193.237
6.	Thuế TNDN	Đồng	1.543.781.026

7. Lợi nhuận sau thuế	Đồng	6.051.412.211
8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	341

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Văn Sỹ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU

92 Lê Duẩn, Khóm 07, Phường 01, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Văn Sỹ	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2015
Ông Võ Minh Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2015
Ông Lê Văn Sơn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19 tháng 3 năm 2018

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Võ Minh Trang	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2015
Ông Lê Thanh Bảo	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2016

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Võ Minh Trang - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



VÕ MINH TRANG

Tổng Giám đốc

Bạc Liêu, ngày 22 tháng 01 năm 2019

SỐ: 003/VACO/BCKT.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22/01/2019, từ trang 5 đến trang 26 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu đo gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Văn phòng Hà Nội

Tầng 12A, tòa nhà TCT 319, số 63 Lê Văn Lương,
P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: (84-24) 3577 0781
Fax: (84-24) 3577 0787

Văn phòng Đồng Nai

Số 79 đường Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng,
Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Tel: (84-251) 382 8560
Fax: (84-251) 382 8560

Văn phòng Hải Phòng

499 Quán Toan, P. Quán Toan
Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng
Tel: (84-225) 353 4655
Fax: (84-225) 353 4316

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán độc lập khác với Báo cáo kiểm toán số 2210109/16/BCKT-DAITIN ngày 17 tháng 01 năm 2019 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Đức Tiên
Giám đốc Chi nhánh
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2018-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tp. HCM, ngày 22 tháng 01 năm 2019

Nguyễn Ngọc Thạch
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1822-2018-156-1

10/01/2019
Át
50
31
411
104
CC
11/1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		31.210.232.235	27.132.073.924
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	21.935.901.381	17.016.231.473
1. Tiền	111		4.105.778.062	3.599.036.049
2. Các khoản tương đương tiền	112		17.830.123.319	13.417.195.424
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.988.447.970	4.976.906.326
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	1.381.390.581	1.244.137.608
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	1.135.539.000	1.742.112.781
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	2.906.173.431	1.990.655.937
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(434.655.042)	-
III. Hàng tồn kho	140	9	4.275.039.089	4.972.965.213
1. Hàng tồn kho	141		5.088.319.759	4.972.965.213
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(813.280.670)	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.843.795	165.970.912
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	129.047.746
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10	10.843.795	36.923.166
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		97.667.003.927	97.583.736.235
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		702.848.458	882.791.347
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	6	511.490.656	357.990.656
2. Phải thu dài hạn khác	216	7	549.348.458	524.800.691
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	8	(357.990.656)	-
II. Tài sản cố định	220		88.473.649.038	87.355.279.207
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	88.446.149.042	87.300.279.207
- Nguyên giá	222		166.793.751.823	156.427.240.904
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(78.347.602.781)	(69.126.961.697)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	27.499.996	55.000.000
- Nguyên giá	228		125.000.000	125.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(97.500.004)	(70.000.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.406.969.916	3.773.646.922
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	3.406.969.916	3.773.646.922
IV. Tài sản dài hạn khác	260		5.083.536.515	5.572.018.759
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	5.083.536.515	5.572.018.759
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		128.877.236.162	124.715.810.159

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		16.469.659.008	12.308.233.005
I. Nợ ngắn hạn	310		15.852.340.211	11.630.099.170
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	138.577.918	70.522.738
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	852.376.512	189.208.861
3. Phải trả người lao động	314		3.121.633.773	1.907.670.402
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	38.008.129
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	8.773.117.291	7.016.219.916
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	17	1.973.219.908	1.600.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		993.414.809	808.469.124
II. Nợ dài hạn	330		617.318.797	678.133.835
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		50.000.000	50.000.000
2. Chi phí phải trả dài hạn	333		38.008.129	-
3. Phải trả dài hạn khác	337	16	529.310.668	628.133.835
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		112.407.577.154	112.407.577.154
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	112.407.577.154	112.407.577.154
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		111.688.000.000	111.688.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		111.688.000.000	111.688.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		719.577.154	719.577.154
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		128.877.236.162	124.715.810.159



Võ Minh Trang
Tổng Giám đốc
Bạc Liêu, ngày 22 tháng 01 năm 2019

Nguyễn Thị Lan Hương
Kế toán trưởng

Liên Ngọc Trân
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	53.614.349.235	47.545.208.937
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	30.386.581	5.677.363
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	20	53.583.962.654	47.539.531.574
4. Giá vốn hàng bán	11	21	30.645.766.634	28.659.552.540
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		22.938.196.020	18.879.979.034
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	638.932.113	812.681.842
7. Chi phí bán hàng	25	24	5.382.359.141	5.210.520.219
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	10.480.790.312	8.467.477.363
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - (25 + 26)}	30		7.713.978.680	6.014.663.294
10. Thu nhập khác	31		131.540.300	938.189.208
11. Chi phí khác	32		250.325.743	695.768.625
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(118.785.443)	242.420.583
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		7.595.193.237	6.257.083.877
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	1.543.781.026	1.299.719.471
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.051.412.211	4.957.364.406



Võ Minh Trang
 Tổng Giám đốc
 Bạc Liêu, ngày 22 tháng 01 năm 2019

70 26

 Nguyễn Thị Lan Hương
 Kế toán trưởng

341 280

 Liên Ngọc Trân
 Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	61.158.368.136	53.904.617.423
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(22.237.312.546)	(22.849.378.308)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(12.539.644.961)	(12.924.435.490)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(1.391.577.471)	(1.906.591.151)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.423.822.170	6.323.210.822
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(14.754.896.644)	(13.618.603.897)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	13.658.758.684	8.928.819.399
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(5.540.934.913)	(7.078.538.870)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	145.834.091
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	638.932.113	812.681.842
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.902.002.800)	(6.120.022.937)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.837.085.976)	(4.605.472.595)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.837.085.976)	(4.605.472.595)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	4.919.669.908	(1.796.676.133)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	17.016.231.473	18.812.907.606
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60)	70	21.935.901.381	17.016.231.473



Võ Minh Trang
Tổng Giám đốc

Bạc Liêu, ngày 22 tháng 01 năm 2019

Nguyễn Thị Lan Hương
Kế toán trưởng

Liên Ngọc Trân
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu theo Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 1900605680 đăng ký lần đầu ngày 24/12/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 111.688.000.000 VND.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2018 là 90 người (tại ngày 01/01/2018 là 98 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết:
 - Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch;
 - Đầu tư, thi công các công trình: Xử lý, cung cấp nước sạch phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng công trình kỹ thuật, dân dụng khác. Chi tiết:
 - Đầu tư, thi công xây dựng các công trình dân dụng;
 - Thi công công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật.
- Lắp đặt hệ thống cấp - thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp - thoát nước.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Kinh doanh vật tư ngành nước và ngành xây dựng.
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai, nước đá tinh khiết.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê nhà, xưởng, mặt bằng và khi bãi.
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Cho thuê xe.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Các ngành nghề khác được pháp luật cho phép.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành,

b) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí lắp đặt: Chi phí lắp đặt phát sinh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	06-35
Máy móc, thiết bị	05-17
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08-27
Thiết bị, dụng cụ Quản lý	04-10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

SAE
CH
HET
C
CH
B
HA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cũng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	782.187.922	788.815.810
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.323.590.140	2.810.220.239
Các khoản tương đương tiền	17.830.123.319	13.417.195.424
Cộng	<u>21.935.901.381</u>	<u>17.016.231.473</u>

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải thu tiền nước của khách hàng	1.261.088.081	1.040.884.352
Công ty TNHH Nam Long	45.225.000	178.403.100
Khách hàng khác	75.077.500	24.850.156
Cộng	<u>1.381.390.581</u>	<u>1.244.137.608</u>

6. TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	<u>1.135.539.000</u>	<u>1.742.112.781</u>
Công ty TNHH MTV Xây lắp 94	258.000.000	273.000.000
Công ty TNHH MTV Hưng Thịnh Bạc Liêu	575.400.000	572.000.000
Công ty Cổ phần nước và Môi trường Hoàng Gia	-	391.805.219
Cửa hàng VLXD Phước Thánh	-	235.000.000
Công ty TNHH Tài Lộc Bạc Liêu	206.700.000	-
Trả trước khác	95.439.000	270.307.562
b) Dài hạn	<u>511.490.656</u>	<u>357.990.656</u>
Nguyễn Hữu Tuấn	135.169.858	135.169.858
Nguyễn Hữu Tiến	222.820.798	222.820.798
Viện Địa chất và Môi trường	150.000.000	-
Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị TP.Hồ Chí Minh	3.500.000	-
Cộng	<u>1.647.029.656</u>	<u>2.100.103.437</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	2.906.173.431	-	1.990.655.937	-
Phải thu tiền cổ phần hóa	173.400.000	-	26.000.000	-
Tạm ứng	267.856.999	-	152.200.000	-
Các khoản ký quỹ, ký cược	527.560.668	-	638.133.835	-
Tạm ứng cổ tức cho cổ đồng (i)	1.876.358.400	-	1.153.633.432	-
Phải thu khác	60.997.364	-	20.688.670	-
Dài hạn	549.348.458	-	524.800.691	-
Chi phí đi đòi HTCN đường Cách Mạng	66.271.458	-	66.271.458	-
Công ty TNHH DV TMXD VT Vinh Phát	473.077.000	-	-	-
Ký quỹ, ký cược	10.000.000	-	10.000.000	-
Phải thu khác	-	-	448.529.233	-
Cộng	3.455.521.889	-	2.515.456.628	-

(i) Công ty đã chi tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 cho cổ đông theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 06/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 9 năm 2018. Việc thực hiện căn trừ số dư giữa khoản đã chi tạm ứng này và trích cổ tức (xem thuyết minh số 16) trong năm 2018 Công ty sẽ thực hiện sau khi có Nghị quyết chính thức của Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

8. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ phải thu quá hạn thanh toán	792.645.698	-	-	-
- Nguyễn Hữu Tuấn - quá hạn trên 3 năm	135.169.858	-	-	-
- Nguyễn Hữu Tiến - quá hạn trên 3 năm	222.820.798	-	-	-
- Phải thu tiền nước quá hạn - quá hạn trên 3 năm	434.655.042	-	-	-
Cộng	792.645.698	-	-	-

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.887.076.017	(813.280.670)	4.816.522.779	-
Công cụ, dụng cụ	194.588.323	-	156.442.434	-
Thành phẩm	6.655.419	-	-	-
Cộng	5.088.319.759	(813.280.670)	4.972.965.213	-

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho trích lập trong năm là của phần nguyên vật liệu Công ty chưa thanh lý được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

a) Phải thu	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	36.923.166	10.843.795	36.923.166	10.843.795
Cộng	36.923.166	10.843.795	36.923.166	10.843.795
b) Phải nộp	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	543.593.315	460.774.639	82.818.676
Thuế thu nhập doanh nghiệp	100.116.004	1.543.781.026	1.391.577.471	252.319.559
Thuế tài nguyên	25.879.800	1.547.541.200	1.441.470.400	131.950.600
Tiền thuế đất	-	25.872.950	25.872.950	-
Các loại thuế khác	63.213.057	4.614.420.545	4.292.345.925	385.287.677
Cộng	189.208.861	8.275.209.036	7.612.041.385	852.376.512

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	38.063.402.187	35.186.662.075	82.604.367.079	572.809.563	156.427.240.904
- Tăng do mua mới	-	-	-	324.750.000	324.750.000
- Đầu tư XD CB hoàn thành	5.576.189.594	284.248.181	4.458.782.754	-	10.319.220.529
- Thanh lý, nhượng bán	-	(224.964.360)	(18.108.820)	-	(243.073.180)
- Giảm khác	(34.386.430)	-	-	-	(34.386.430)
Số cuối năm	43.605.205.351	35.245.945.896	87.045.041.013	897.559.563	166.793.751.823
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	13.114.553.084	19.749.259.104	35.894.337.132	368.812.377	69.126.961.697
- Khấu hao trong năm	2.273.898.386	2.678.236.931	4.280.440.931	85.911.163	9.318.487.411
- Giảm khác	-	(92.155.821)	(5.690.506)	-	(97.846.327)
Số cuối năm	15.388.451.470	22.335.340.214	40.169.087.557	454.723.540	78.347.602.781
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm	24.948.849.103	15.437.402.971	46.710.029.947	203.997.186	87.300.279.207
Số cuối năm	28.216.753.881	12.910.605.682	46.875.953.456	442.836.023	88.446.149.042

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 8.829.385.200 VND (ngày 31/12/2017 là 2.548.120.765 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Số đầu năm	125.000.000
Số cuối năm	125.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số đầu năm	70.000.000
- Khấu hao trong năm	27.500.004
Số cuối năm	97.500.004
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Số đầu năm	55.000.000
Số cuối năm	27.499.996

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cải tạo Hệ thống cấp nước tại 02Đ, 9H, nội ô thành phố Bạc Liêu	618.913.359	-
Cải tạo và lắp đặt các tuyến ống cấp nước 6Đ, 10H nội ô thành phố Bạc Liêu	421.396.434	-
Cần tín Công ty CP Cấp nước Bạc Liêu	-	482.080.770
Sửa chữa, cải tạo nhà máy nước số 1 và số 2	-	653.604.711
Giếng khoan thăm dò kết hợp khai khác	-	688.947.245
Công trình khác	2.366.660.123	1.949.014.196
Cộng	3.406.969.916	3.773.646.922

Tình hình biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm:

Số đầu năm	3.773.646.922	243.941.014
Tăng trong năm	9.952.543.523	11.470.348.009
Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	(10.319.220.529)	(7.940.642.101)
Số cuối năm	3.406.969.916	3.773.646.922

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí lắp đặt	2.053.019.236	1.596.177.041
Chi phí di dời đồng hồ	2.320.732.351	2.896.321.410
Chi phí khác cần phân bổ	709.784.928	1.079.520.308
Cộng	5.083.536.515	5.572.018.759

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Bao bì Minh Trí	-	-	20.200.950	20.200.950
Công ty TNHH TMDV SX Phát triển Thuận Thào	85.034.400	85.034.400	50.321.788	50.321.788
Phải trả người bán khác	53.543.518	53.543.518	-	-
Cộng	138.577.918	138.577.918	70.522.738	70.522.738

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	8.773.117.291	7.016.219.916
Kinh phí công đoàn	-	2.240.000
Bảo hiểm xã hội	3.408.321	3.408.321
Thuế thu nhập cá nhân	78.972.397	42.945.184
Bồi thường kinh phí đi dờ	4.294.385.246	3.255.131.732
Phí bảo vệ môi trường	36.191.877	219.051.064
Cổ tức còn phải trả cổ đông	3.817.784.173	3.123.139.576
Các khoản phải trả, phải nộp khác	542.375.277	370.304.039
b) Dài hạn	529.310.668	628.133.835
Nhận thế chấp sử dụng nước	527.560.668	598.133.835
Nhận thế chấp vô hình	1.750.000	30.000.000
Cộng	9.302.427.959	7.644.353.751

17. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đây là khoản dự phòng quỹ tiền lương cho năm sau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của	Quỹ đầu tư	Quỹ khác thuộc	LNST	Cộng
	chủ sở hữu	phát triển	Vốn chủ sở hữu	chưa phân phối	
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	111.688.000.000	426.171.002	213.085.501	-	112.327.256.503
Lãi trong năm	-	-	-	4.957.364.406	4.957.364.406
Trích quỹ trong năm	-	536.593.313	-	(1.735.077.542)	(1.198.484.229)
Trích cổ tức trong năm	-	-	-	(3.123.139.576)	(3.123.139.576)
Trích quỹ khen thưởng	-	-	-	(99.147.288)	(99.147.288)
Ban điều hành trong năm	-	-	-	-	-
Giảm quỹ trong năm	-	(243.187.161)	(213.085.501)	-	(456.272.662)
Số dư đầu năm nay	111.688.000.000	719.577.154	-	-	112.407.577.154
Lãi trong năm	-	-	-	6.051.412.211	6.051.412.211
Trích quỹ khen thưởng	-	-	-	(2.117.994.274)	(2.117.994.274)
phúc lợi trong năm (i)	-	-	-	-	-
Trích cổ tức trong năm (i)	-	-	-	(3.812.389.693)	(3.812.389.693)
Trích quỹ khen thưởng	-	-	-	(121.028.244)	(121.028.244)
Ban điều hành trong năm	-	-	-	-	-
(i)	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	111.688.000.000	719.577.154	-	-	112.407.577.154

(i) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2018 theo tỷ lệ của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-DHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018. Cụ thể:

- Trích quỹ khen thưởng ban điều hành bằng 2% lợi nhuận sau thuế năm 2018;
- Chia cổ tức năm 2018 bằng 63% lợi nhuận sau thuế năm 2018;
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 35% lợi nhuận sau thuế năm 2018.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.168.800	11.168.800
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.168.800	11.168.800
- Cổ phiếu phổ thông	11.168.800	11.168.800
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.168.800	11.168.800
- Cổ phiếu phổ thông	11.168.800	11.168.800
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Vốn góp của cổ đông đại diện cho phần vốn nhà nước	110.176.000.000	98,65%	110.176.000.000	98,65%
Ông Trần Văn Sỹ	78.178.000.000	70,00%	44.673.000.000	40,00%
Ông Lê Văn Sơn	-	0,00%	33.505.000.000	30,00%
Ông Võ Minh Trang	31.998.000.000	28,65%	31.998.000.000	28,65%
Cổ đông khác (116 cổ đông)	1.512.000.000	1,35%	1.512.000.000	1,35%
Cộng	111.688.000.000	100,00%	111.688.000.000	100,00%

19. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch và đường ống cho việc cung cấp nước sạch chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các doanh thu khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu toàn Công ty. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất kinh doanh nước sạch và đường ống cung cấp nước sạch trong một khu vực địa lý, vì vậy không trình bày thêm thông tin bộ phận.

20. DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	53.614.349.235	47.545.208.937
Trong đó:		
- Doanh thu cung cấp nước	51.333.360.349	45.661.591.611
- Doanh thu lắp đặt đường ống	1.411.925.177	1.317.911.143
- Doanh thu nước đóng chai	453.650.727	202.207.454
- Doanh thu khác	415.412.982	363.498.729
	53.614.349.235	47.545.208.937
Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Hàng bán bị trả lại	30.386.581	5.677.363
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	53.583.962.654	47.539.531.574

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn cung cấp nước	27.851.021.044	27.330.328.839
Giá vốn lắp đặt đường ống	1.149.286.913	942.392.006
Giá vốn nước đóng chai	550.458.785	172.546.597
Giá vốn khác	281.719.222	214.285.098
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	813.280.670	-
Cộng	30.645.766.634	28.659.552.540

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.828.899.707	9.850.971.034
Chi phí nhân công	17.250.365.864	16.706.406.678
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.345.987.415	8.692.321.954
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.179.378.206	893.713.399
Chi phí khác bằng tiền	7.854.108.615	6.141.494.015
Cộng	45.458.739.807	42.284.907.080

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Là lãi tiền gửi ngân hàng.

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	5.065.741.221	4.187.095.406
Chi phí đồ dùng văn phòng	74.590.093	96.698.487
Chi phí khấu hao TSCĐ	140.130.564	127.497.230
Thuế, phí, lệ phí	1.576.414.150	1.455.247.672
Chi phí dự phòng	792.645.698	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	144.272.268	142.312.537
Các khoản chi phí QLDN khác	2.686.996.318	2.458.626.031
Cộng	10.480.790.312	8.467.477.363
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	3.063.932.469	3.183.438.259
Chi phí vật liệu bao bì	36.187.504	113.204.166
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	89.787.882	68.912.203
Chi phí khấu hao TSCĐ	402.265.337	264.366.874
Các khoản chi phí bán hàng khác	1.790.185.949	1.580.598.717
Cộng	5.382.359.141	5.210.520.219

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế	1.543.781.026	1.299.719.471
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.543.781.026	1.299.719.471

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	7.595.193.237	6.257.083.877
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
- Cộng: Các khoản chi không được trừ	123.711.891	241.513.478
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	7.718.905.128	6.498.597.355
Thu nhập chịu thuế chịu thuế suất 20%	7.718.905.128	6.498.597.355
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.543.781.026	1.299.719.471

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế trong năm	6.051.412.211	4.957.364.406
Trừ Quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ khen thưởng ban điều hành đã trích	2.239.022.518	1.834.224.830
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.812.389.693	3.123.139.576
Số cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.168.800	11.168.800
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	341	280

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

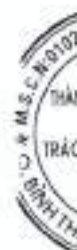
Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản trong đương tiền	21.935.901.381	17.016.231.473
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	112.407.577.154	112.407.577.154
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.935.901.381	17.016.231.473	21.935.901.381	17.016.231.473
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.238.849.105	2.959.260.401	3.238.849.105	2.959.260.401
Tổng cộng	25.348.150.486	19.975.491.874	25.348.150.486	19.975.491.874
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán và phải trả khác	9.441.005.877	7.714.876.489	9.441.005.877	7.714.876.489
Chi phí phải trả	38.008.129	38.008.129	38.008.129	38.008.129
Tổng cộng	9.479.014.006	7.752.884.618	9.479.014.006	7.752.884.618

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo như thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

0856-

 NHẢ
 SỐ
 CÔNG T
 HỀM
 KẾM T
 VAC
 VH-T.F

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 2 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.935.901.381	-	21.935.901.381
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.057.491.303	181.357.802	3.238.849.105
Tổng cộng	25.166.792.684	181.357.802	25.348.150.486
Số cuối năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	8.911.695.209	529.310.668	9.441.005.877
Chi phí phải trả	-	38.008.129	38.008.129
Tổng cộng	8.911.695.209	567.318.797	9.479.014.006
Chênh lệch thanh khoản thuần	16.255.097.475	(385.960.995)	15.869.136.480
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 2 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.016.231.473	-	17.016.231.473
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.444.459.710	514.800.691	2.959.260.401
Tổng cộng	19.460.691.183	514.800.691	19.975.491.874
Số đầu năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	7.086.742.654	628.133.835	7.714.876.489
Chi phí phải trả	38.008.129	-	38.008.129
Tổng cộng	7.124.750.783	628.133.835	7.752.884.618
Chênh lệch thanh khoản thuần	12.335.940.400	(113.333.144)	12.222.607.256

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

28. NGHIỆP VỤ VÀ SƠ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư trọng yếu trong năm:

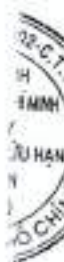
Bên liên quan

Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu

Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Mối quan hệ

Cổ đông lớn



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Ngoài số dư với bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 7 và 16, trong năm Công ty phát sinh các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

Chi tạm ứng cổ tức năm 2018 cho Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu với số tiền là 1.850.956.800 VND (năm trước là 1.138.015.875 VND).

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc


Thù lao của Hội đồng Quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:


	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lương, thưởng Ban Tổng Giám đốc	1.022.110.163	805.545.411
Thù lao Hội đồng quản trị	432.230.878	569.473.353


29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác.




Võ Minh Trang
Tổng Giám đốc
Bạc Liêu, ngày 22 tháng 01 năm 2019


Nguyễn Thị Lan Hương
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Lan Hương
Người lập biểu

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU**

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 19/12/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 tại Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu (viết tắt là Công ty),

Hội đồng quản trị Công ty (viết tắt là HĐQT) báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của HĐQT năm 2018 và phương hướng hoạt động trong năm 2019 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018

1. Tình hình nhân sự:

Thực hiện theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/12/2015 của Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu và Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015-2020 gồm:

- Ông Trần Văn Sỹ, Chủ tịch Hội đồng quản trị (kiêm nhiệm);
- Ông Võ Minh Trang, Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc (chuyên trách).

2. Tình hình hoạt động:

Hội đồng quản trị hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp. Luôn tôn trọng và đảm bảo quyền lợi cao nhất của cổ đông, thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ theo đúng pháp luật.

Trong năm 2018, cuộc họp của HĐQT được duy trì đều đặn, bám sát Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và tình hình thực tế của Công ty, triển khai các nghị quyết để thực hiện. HĐQT đã tổ chức 04 phiên họp và 04 lần lấy ý kiến bằng văn bản thông qua các nội dung báo cáo, xử lý các hoạt động của Công ty. HĐQT đã ban hành 14 Quyết định, 08 Nghị quyết và 02 quy chế Công ty (đính kèm phụ lục). Các cuộc họp của HĐQT có mời thành viên Ban Kiểm soát tham dự với tư cách là quan sát viên.

Tất cả thành viên tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, đóng góp ý kiến xác thực và đồng thuận cao theo thẩm quyền và yêu cầu làm việc của HĐQT về định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh để phát triển Công ty.

HĐQT đã hoàn thành việc chỉ đạo, đôn đốc, theo dõi hoạt động của Ban Giám đốc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông theo đúng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều lệ của Công ty, cụ thể như sau:

- Bảo toàn và phát triển vốn; tạo việc làm, nâng cao đời sống, thu nhập cho người lao động, đảm bảo cố tức cho cổ đông;
- Tuân thủ các quy định của pháp luật, quy chế báo cáo và công bố thông tin;
- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên theo đúng quy định, thực hiện tốt các Nghị quyết của ĐHĐCĐ thông qua;
- Củng cố, sắp xếp ổn định nhân sự và hoạt động của từng phòng ban; nâng cao hiệu quả quản lý và hiệu quả công việc;
- Kiểm soát tốt các khoản chi phí, tăng cường công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cho Công ty.

3. Hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

Trong năm 2018, Ban Tổng Giám đốc thể hiện sự nhiệt huyết và nhanh nhạy trong việc điều hành phát triển Công ty, nỗ lực hết mình hoàn thành nhiệm vụ cấp nước được giao và điều hành mọi hoạt động để thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT năm 2018.

Ban Tổng Giám đốc có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp với công việc được giao, có năng lực, đạo đức nghề nghiệp và nhiệt huyết để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

Ban Tổng Giám đốc tổ chức triển khai thực hiện đúng quy định về chế độ đối với người lao động trong Công ty như: BHXH, BHYT, BHTN...; quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, tiền lương năm sau luôn cao hơn năm trước, các chế độ phúc lợi của người lao động được cải thiện và nâng cao qua từng năm.

Tại các phiên họp định kỳ hàng quý của HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty báo cáo minh bạch về tài chính, kết quả sản xuất kinh doanh để được thông qua, các vấn đề phát sinh theo yêu cầu sản xuất kinh doanh thuộc thẩm quyền của HĐQT. Tổng Giám đốc hoàn thành được vai trò người đại diện pháp luật trong việc công bố thông tin theo quy định pháp luật, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều lệ Công ty.

Trong điều hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty phối hợp tốt với HĐQT, chỉ đạo các phòng ban, xí nghiệp báo cáo đúng chế độ và thông tin kết quả sản xuất kinh doanh theo yêu cầu quản lý của HĐQT. Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo quyết liệt và tập trung các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, kích thích tiêu dùng nước sạch và giảm tỷ lệ thất thu. Nhờ vậy Công ty hoàn thành Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT năm 2018, tạo cơ sở phát triển bền vững trong những năm tới, HĐQT đánh giá cao năng lực điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

4. Kết quả sản xuất kinh doanh:

Năm 2018, Công ty hoàn thành các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận của các chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, trong đó:

- Doanh thu đạt 54.354,44 triệu đồng, tăng 6% so với kế hoạch, lợi nhuận sau thuế đạt 6.051,41 triệu đồng, tăng 15% so với kế hoạch, điều này phản ánh rõ nét nhất Công ty đã sử dụng nguồn vốn góp của cổ đông một cách nhạy bén, hiệu quả nhất;

- Mức cổ tức được chia đạt 3,41%/cổ phiếu, tăng 15% so với kế hoạch, Công ty đã hoàn thành, đáp ứng sự tin tưởng và ủng hộ của cổ đông; đảm bảo quyền lợi cao nhất cho cổ đông;

- Công ty đã đầu tư cải tạo và mở rộng nhiều tuyến ống, nâng tổng chiều dài mạng lưới ống cấp nước từ 323km (cuối năm 2017) lên 341 km, góp phần giảm thất thoát nước và tăng doanh thu cho công ty, đồng thời đáp ứng được hơn 95% người dân thành phố sử dụng nước sạch của Công ty. Tổng mức đầu tư XDCB trong năm 2018 ước thực hiện khoảng 20 tỉ đồng.

Công ty thực hiện đúng quy định pháp luật về nghiệp vụ kinh doanh trong công tác đọc số, thu tiền, bảo dưỡng đồng hồ nước và cung cấp nước sạch đảm bảo chất lượng nước đạt quy chuẩn của Bộ Y tế. Công ty ngày càng nâng cao chất lượng phục vụ và thân thiện với khách hàng, thể hiện được sứ mệnh cấp nước phục vụ đời sống, an sinh xã hội cộng đồng.

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019

1. Mục tiêu nhiệm vụ:

- Bảo toàn vốn, tối đa hóa lợi nhuận, phát triển bền vững;

- Đảm bảo chất lượng, áp lực, liên tục 24/24 giờ (thực hiện cấp nước an toàn) cho khách hàng đang sử dụng, Công ty còn phải hướng đến cung cấp cho những khách hàng còn lại trong khu vực để đảm bảo người dân thành phố Bạc Liêu được sử dụng nước sạch, hạn chế khai thác bừa bãi gây ô nhiễm nguồn tài nguyên nước;

- Tập trung nguồn vốn xây dựng trạm cấp nước để bổ sung nguồn nước bị thiếu, đồng thời cải thiện áp lực một số khu vực áp lực chưa đạt yêu cầu. Song song thực hiện việc đảm bảo chất lượng nước theo quy định;

- Đảm bảo thu nhập, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần tốt nhất cho người lao động;

- Đảm bảo quyền lợi tối đa cho cổ đông.

2. Giải pháp thực hiện:

Năm 2019 Hội đồng quản trị công ty tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng quản trị công ty; đổi mới phương pháp làm việc nhằm nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp. Căn cứ vào tình hình thực tế của Công ty, địa

phương, trong nước, Hội đồng quản trị ban hành nghị quyết thông qua mục tiêu kế hoạch, duy trì ổn định và phát triển bền vững, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, giảm chi phí, giảm thất thoát nước nhằm nâng cao lợi nhuận, cụ thể các công việc sau:

- Triển khai thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu kế hoạch tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019;

- HĐQT giám sát chặt chẽ quá trình điều hành hoạt động theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông và HĐQT phê duyệt. Hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc tìm mọi biện pháp nâng cao năng suất lao động và giảm tối đa chi phí, mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty;

- Tăng cường phối hợp trong quá trình hoạt động của Ban kiểm soát để phát hiện sớm các bất cập, có biện pháp phòng ngừa và xử lý kịp thời, hạn chế rủi ro trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là hoạt động tài chính;

- Kiện toàn bộ máy quản lý Công ty, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, đáp ứng các tiêu chí của Công ty đại chúng;

- Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Công ty;

- Chú trọng nâng cao năng suất lao động, đào tạo lực lượng lao động tâm huyết, giỏi chuyên môn; nâng cao ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ yêu cầu nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng nói riêng và công tác quản lý nói chung.

Dù tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2018 có ổn định và tăng trưởng, trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh cũng còn có khó khăn, nhưng với sự nỗ lực cao, Hội đồng quản trị đã triển khai tích cực và có hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đảm bảo đúng Điều lệ công ty và quy định pháp luật.

Trên đây là Báo cáo của Hội đồng quản trị, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Lưu VT.



Trần Văn Sỹ

PHỤ LỤC I
CÁC NGHỊ QUYẾT VÀ QUYẾT ĐỊNH NĂM 2018

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
I Nghị quyết Hội đồng quản trị			
1	01/NQ-HĐQT	26/01/2018	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thống nhất Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018. 2. Quỹ khen thưởng người quản lý năm 2017 chia đều cho 08 người quản lý Công ty. 3. Thống nhất Quỹ tiền lương, tiền thưởng thực hiện của người lao động và Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện của người quản lý và thù lao thư ký HĐQT công ty năm 2017. 4. Thống nhất Quỹ tiền lương, tiền thưởng kế hoạch của người lao động và Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng kế hoạch của người quản lý và thù lao thư ký HĐQT công ty năm 2018. 5. Kiểm tra, rà soát lại những nội dung tại quy chế làm việc của Công ty đảm bảo phù hợp với Điều lệ Công ty, sau đó trình Hội đồng quản trị ký ban hành.
2	02/NQ-HĐQT	06/4/2018	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thực hiện đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu trên thị trường giao dịch chứng khoán của Công ty đại chúng chưa niêm yết (<i>thị trường UPCOM</i>). 2. Chốt danh sách cổ đông để làm thủ tục đăng ký lưu ký cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và thực hiện đăng ký giao dịch cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (<i>sàn UPCOM</i>), ngày chốt danh sách cổ đông để đăng ký cổ phiếu: 03/5/2018. 3. Mã cổ phiếu là: BLW.
3	03/NQ-HĐQT	03/5/2018	Báo cáo số 28/BC-CTY ngày 20/4/2018 của Công ty về kết quả Sản xuất kinh doanh quý I và Kế hoạch Sản xuất kinh doanh quý II năm 2018.
4	04/NQ-HĐQT	10/8/2018	<ol style="list-style-type: none"> 1. Kết quả sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2018 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu. 2. Công ty không xây dựng Kế hoạch trung và dài hạn của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu. 3. Ngừng đầu tư Trạm cấp nước tại xã Hiệp Thành và hạch toán các chi phí đã thực hiện cho đầu tư trạm cấp nước vào chi phí thường xuyên của công

			<p>ty theo đúng quy định pháp luật hiện hành.</p> <p>4. Thanh lý giảm trụ nước nước uống tại vòi trước cổng bệnh viện Bạc Liêu- Nguyễn Huệ.</p> <p>5. Không trích khấu hao Đài nước số 2 và các hạng mục phụ trợ của đài nước, thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.</p> <p>6. Điều chỉnh bổ sung kế hoạch công tác xây dựng cơ bản năm 2018.</p> <p>7. Thống nhất nội dung quy chế Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.</p> <p>8. Một số nội dung khác:</p> <p>8.1. Thực hiện trích dự phòng nợ phải thu khó đòi nợ (nợ tiền nước và các nợ khác) theo đúng quy định, trích dự phòng trong năm 2018.</p> <p>8.2. Tình hình thoái vốn: Công ty nghiên cứu và thực hiện theo thông tư hướng dẫn.</p>
5	05/NQ-HĐQT	23/8/2018	<p>Đề xuất đăng ký giá tham chiếu của ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu BLW đăng ký giao dịch trên hệ thống UPCOM của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội là 12.000 đồng/cổ phiếu bằng giá bán khởi điểm thực hiện thoái vốn nhà nước tại Công ty năm 2017.</p>
6	06/NQ-HĐQT	11/9/2018	<p>Chi tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018.</p>
7	07/NQ-HĐQT	23/10/2018	<p>1. Báo cáo số 64/BC-CTY ngày 16/10/2018 của Công ty về việc sơ kết kết quả sản xuất kinh doanh quý III và kế hoạch quý IV năm 2018;</p> <p>2. Lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời tại nhà máy nước số 2 với công suất 30KW/h;</p> <p>3. Lắp đặt Phần mềm quản lý tài sản GIS;</p> <p>4. Xây dựng trạm cấp nước khu công nghiệp Trà Kha với công suất 4.000 m³/ ngày đêm theo Hợp đồng xây dựng – kinh doanh – Chuyển giao (gọi tắt là BOT);</p> <p>5. Bổ nhiệm ông Nguyễn Thanh Tuấn (1978) chức danh Phó Giám đốc xí nghiệp sản xuất nước sạch.</p>
8	08/NQ-HĐQT	09/11/2018	<p>Thanh lý 127 loại vật tư không có nhu cầu sử dụng.</p>
II Quyết định Hội đồng quản trị			
1	01/QĐ-HĐQT	28/03/2018	<p>Về việc phê duyệt Quỹ tiền lương, tiền thưởng thực hiện của người lao động; Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện của người quản lý và Thù lao thư ký Hội đồng quản trị Công ty năm 2017.</p>

2	02/QĐ-HĐQT	30/03/2018	Về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
3	03/QĐ-HĐQT	12/4/2018	Về việc Ban hành Quy chế làm việc Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.
4	04/QĐ-HĐQT	20/4/2018	Về việc chi trả cổ tức năm 2017 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.
5	05/QĐ-HĐQT	24/4/2018	Về việc ban hành Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.
6	06/QĐ-HĐQT	26/4/2018	Về việc phê duyệt Quỹ tiền lương, tiền thưởng kế hoạch của người lao động; Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng kế hoạch của người quản lý và Thù lao thư ký Hội đồng quản trị Công ty năm 2018.
7	07/QĐ-HĐQT	14/8/2018	Về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.
8	08/QĐ-HĐQT	14/8/2018	Về việc thành lập Hội đồng thanh lý tài sản trụ nước uống tại vòi trước cổng bệnh viện Bạc Liêu, đường Nguyễn Huệ.
9	09/QĐ-HĐQT	17/8/2018	Về việc thanh lý giảm tài sản trụ nước uống tại vòi trước cổng bệnh viện Bạc Liêu, đường Nguyễn Huệ.
10	10/QĐ-HĐQT	10/9/2018	Về việc thành lập Hội đồng thanh lý tài sản khởi động mềm MCD 3045-45KW danfos.
11	11/QĐ-HĐQT	10/9/2018	Về việc thanh lý giảm tài sản khởi động mềm MCD 3045-45KW danfos.
12	12/QĐ-HĐQT	28/9/2018	Về việc trích lập quỹ dự phòng nợ phải thu khó đòi tiền nước.
13	13/QĐ-HĐQT	16/11/2018	Về việc trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho và thanh lý vật tư không có nhu cầu sử dụng.
14	14/QĐ-HĐQT	27/12/2018	Về việc trích lập quỹ dự phòng nợ phải thu khó đòi khoản ứng trước cho nhà cung cấp.

PHỤ LỤC II
QUY CHẾ ĐƯỢC BAN HÀNH NĂM 2018

Số thứ tự	Ngày	Tên quy chế
1	12/4/2018	Quy chế làm việc của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.
2	14/8/2018	Quy chế Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC BẠC LIÊU
BAN KIỂM SOÁT**

Số: 05../BC-BKS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bạc Liêu, ngày 18 tháng 02 năm 2019.

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu (gọi tắt là Công ty) đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 19/12/2015;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu đã được Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán;

Căn cứ kết quả kiểm soát tình hình hoạt động năm 2018 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu, Ban Kiểm soát nhất trí thông qua báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 với các nội dung cụ thể như sau:

I. Hoạt động và kết quả giám sát của Ban Kiểm soát năm 2018:

1. Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2018:

Giám sát công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty;

Giám sát về chính sách người lao động; tổ chức, bộ máy hoạt động của Công ty;

Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết số của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị;

Giám sát về lập Báo cáo tài chính năm 2018;

Giám sát về việc quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc.

Để thực hiện được kết quả giám sát nêu trên, thì ngay sau khi đi vào hoạt động, Ban Kiểm soát đã tiến hành xây dựng và thực hiện đảm bảo theo quy chế hoạt động đối với năm 2018, Ban Kiểm soát phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên như sau:

Định kỳ hàng quý, Ban Kiểm soát xây dựng chương trình và kế hoạch giám sát cụ thể của quý. Đồng thời, trên cơ sở phát sinh các nội dung, thư mời tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty, thì Ban Kiểm soát bàn bạc, trao đổi để đưa

ra ý kiến thống nhất cho Đại diện Ban kiểm soát tham gia ý kiến tại cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty. Trong năm 2018 đã lập 01 báo cáo liên quan đến tình hình hoạt động của công ty trong năm 2017; tổ chức 04 cuộc họp (đính kèm Phụ lục 01).

Về trình tự, thủ tục, nội dung các cuộc họp của Ban Kiểm soát, cơ bản đảm bảo theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Bên cạnh đó, hiện tại chỉ có Trưởng Ban kiểm soát hoạt động chuyên trách, 02 thành viên còn lại làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Do đó, ngoài các buổi họp và làm việc trực tiếp, để đạt được hiệu quả, chất lượng và hoàn thành nhiệm vụ, Ban Kiểm soát thường xuyên liên lạc, trao đổi thông tin, tài liệu và công việc qua các phương tiện khác như: Mail, điện thoại nhằm đảm bảo hoạt động của Ban Kiểm soát được thực hiện kịp thời về thời gian theo yêu cầu của Công ty.

Tóm lại, trong năm 2018 Ban Kiểm soát đã tổ chức hoạt động về cơ bản đảm bảo đầy đủ chức năng, nhiệm vụ quyền hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Đạt được kết quả hoạt động kiểm soát nêu trên, Ban Kiểm soát đã nhận được sự phối hợp, hỗ trợ của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc cũng như các Phòng, Xí nghiệp trực thuộc Công ty để hoàn thành chức trách, nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông thường niên giao.

2. Kết quả giám sát năm 2018 trên các lĩnh vực cụ thể như sau:

Trên cơ sở các lĩnh vực mà Ban kiểm soát đã thực hiện kiểm soát ở Công ty năm 2018 như nêu trên, thì kết quả như sau:

2.1. Kết quả giám sát công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban tổng Giám đốc:

Kiểm soát đánh giá công tác hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong năm 2018, Ban Kiểm soát có ý kiến như sau:

Trong năm 2018, qua quá trình thực hiện giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát chưa thấy có dấu hiệu bất thường trong các hoạt động quản trị và điều hành của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc. Cụ thể như sau:

a) Đối với Hội đồng quản trị: Thực hiện đúng Điều lệ của công ty; tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ hàng quý. Trong các kỳ họp Hội đồng quản trị, các thành viên tham dự đầy đủ, đã làm việc với tinh thần trách nhiệm để đưa ra các quyết định kịp thời nhằm định hướng, chỉ đạo các hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng tinh thần Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo kịp thời, giám sát chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thông qua các cuộc họp Hội đồng quản trị hàng tháng và có yêu cầu đột xuất, Hội đồng quản trị đã tiến hành tổ chức cuộc họp gấp để kịp thời giải quyết các khó khăn vướng mắc do Tổng Giám đốc đề xuất.

Ngày 20/4/2018, Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Lê Văn Sơn (*đến tuổi nghỉ hưu*).

b) Đối với Ban Tổng Giám đốc:

Thực hiện đầy đủ, kịp thời Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các quyết định của Hội đồng quản trị. Chủ động lập kế hoạch, quản lý, điều hành, sử dụng vốn, tài sản, lao động, phân công nhiệm vụ trong Ban Tổng Giám đốc để chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước và chế độ chính sách cho người lao động.

Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc có những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và chủ động đề nghị Hội đồng quản trị tiến hành các cuộc họp đột xuất để đưa ra các giải pháp kịp thời, hiệu quả nhằm hoàn thành tốt các mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

c) Ban Kiểm soát thống nhất với Báo cáo đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong năm 2018 về các mặt của Công ty, trong đó nêu rõ những khó khăn tác động trong năm, những kết quả, tiến bộ đạt được, đồng thời nêu rõ những vấn đề còn tồn tại chưa hoàn thành và đề ra các giải pháp thực hiện trong năm 2019.

2.2. Về chính sách người lao động; tổ chức, bộ máy hoạt động của Công ty

Tiền lương và chế độ đối với người lao động: Thực hiện đầy đủ và kịp thời các chế độ, chính sách đối với người lao động; ký hợp đồng lao động; đóng BHXH, BHYT, BHTN đúng theo quy định; thực hiện cấp phát bảo hộ lao động, bồi dưỡng ca 3, độc hại đầy đủ, đúng đối tượng; duy trì chế độ ăn giữa ca; thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động...

Trong năm 2018, Công ty xử lý kỷ luật sa thải 04 lao động vi phạm nội quy lao động Công ty, giải quyết đơn xin thôi việc cho 06 lao động và giải quyết chế độ cho 03 trường hợp trong đó có cả người quản lý và người lao động đến tuổi nghỉ hưu. Ngoài ra, Công ty đã tiến hành ra quyết định điều động 03 trường hợp: 02 lãnh đạo và 01 người lao động, đồng thời bổ nhiệm 01 lãnh đạo Công ty.

Việc ra quyết định cho thôi việc, điều động đã được Công ty thực hiện đúng theo Quy chế tuyển dụng lao động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, thôi việc, xin điều chuyển, điều động, từ chức, miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo do Công ty ban hành ngày 04/02/2016.

2.3. Tình hình thực hiện Nghị quyết và một số chỉ tiêu được cổ đông biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Ban Kiểm soát thống nhất với Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và Báo cáo tài chính năm 2018 đã được Công ty TNHH Kiểm toán VACO kiểm toán.

Theo đó, qua đối chiếu số liệu thực tế với các chỉ tiêu tại Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2018, cho thấy:

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Nội dung	Chỉ tiêu tại Đại hội	Kết quả thực hiện	So sánh
I. Chỉ tiêu sản xuất			
1. Sản lượng nước khai thác	7.439.446	7.737.306	104,00%
2. Sản lượng nước tiêu thụ	6.566.586	6.891.069	104,94%
II. Chỉ tiêu kinh doanh			
1. Tổng doanh thu	51.252,89	54.354,44	106,05%
2. Tổng chi phí	44.669,42	46.759,24	104,68%
3. Lợi nhuận trước thuế	6.583,47	7.595,19	115,37%
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.316,69	1.543,78	117,25%
5. Lợi nhuận sau thuế	5.266,78	6.051,41	114,90%
III Chỉ tiêu chia cổ tức	2,97	3,41	114,81%

Với số liệu thực tế nêu trên, qua kiểm soát, Ban Kiểm soát đánh giá như sau:

a) Về chỉ tiêu sản xuất

Qua các năm Công ty đã có rất nhiều nỗ lực triển khai các giải pháp nhằm giảm tỷ lệ thất thoát nước, bước đầu đã thu được kết quả đáng khích lệ cụ thể như: năm 2017 là 10,77%; năm 2018 là 10,34%.

Trong năm 2018, Ban Tổng giám đốc có thay đổi trong chính sách đối với mặt hàng nước đóng chai thì doanh thu cũng dần được cải thiện và có phát triển. Nhưng nhìn chung kết quả doanh thu vẫn chưa đạt theo kế hoạch đề ra (*kế hoạch: 900 triệu đồng; thực hiện: 453,65 triệu đồng*).

b) Về chỉ tiêu kinh doanh

Qua kiểm soát, thống nhất với báo cáo của Hội đồng quản trị, theo đó, các chỉ tiêu thực hiện đều đạt và vượt so với kế hoạch; tỷ lệ thất thoát nước sạch thực tế thấp hơn Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đề ra. Cụ thể, doanh thu thực hiện trong năm 2018 vượt kế hoạch 6,05%.

c) Về chỉ tiêu chia cổ tức

Đây là chỉ tiêu rất quan trọng đối với loại hình công ty cổ phần và rất được cổ đông quan tâm. Theo đó, với sự nỗ lực của tập thể Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh như kết quả nêu trên, nên dẫn đến chỉ tiêu chia cổ tức năm 2018: 3,41% đạt 114,81%, tăng 14,81% so với kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã đề ra.

Với kết quả nêu trên, cho thấy Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ và đảm bảo đúng tinh thần Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã đề ra.

2.4. Về thẩm định Báo cáo tài chính năm 2018

a) Thẩm định công tác lập Báo cáo tài chính

Báo cáo quyết toán tài chính năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán VACO (là một trong những đơn vị đã được Đại hội đồng cổ đông lần đầu biểu quyết thông qua); Sổ cái và sổ chi tiết doanh thu; biên bản kiểm quỹ tiền mặt; biên bản kiểm kê nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ; biên bản đối chiếu công nợ; các văn bản, chứng từ có liên quan khác,...

Trên cơ sở các tài liệu nêu trên, sau khi xem xét kiểm tra, Ban Kiểm soát thống nhất báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, như sau:

- Các chứng từ kế toán được sắp xếp gọn gàng đáp ứng tốt yêu cầu công tác kiểm tra, kiểm soát. Biểu mẫu báo cáo rõ ràng, đúng theo quy định.
- Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.
- Các số liệu báo cáo tài chính năm 2018 phản ánh trung thực tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2018.

Báo cáo tài chính năm 2018 đã phản ánh một cách trung thực, hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm 2018, phù hợp với chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan.

Do đó, thống nhất thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 về Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

b) Về tình hình quản lý tài chính

Công tác quản lý tài chính đã được Công ty thực hiện theo quy định hiện hành và Quy chế tài chính của Công ty; việc quản lý tài sản, tiền vốn; thu chi được thực hiện phù hợp theo thực tế phát sinh tại Công ty. Theo đó:

Đến 31/12/2018 tình hình tài chính của Công ty lành mạnh; nợ phải thu khách hàng phát sinh mới trong thời gian hoạt động theo loại hình công ty cổ phần về cơ bản đảm bảo có khả năng thu được; Công ty bảo toàn vốn; tính tự chủ tài chính ở mức cao; và phần lớn các chỉ tiêu tài sản, nguồn vốn; tài chính năm 2018 đều tăng hơn so với năm 2017, cụ thể:

60506
CÔNG TY CỔ PHẦN
NƯỚC
C LIÊU
U-T. BAC

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện		So sánh (%)
			2017	2018	
1	Tổng tài sản, trong đó:	Triệu đồng	124.715	128.877	103,34
	+ Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	27.132	31.210	115,03
	+ Tài sản dài hạn	Triệu đồng	97.583	97.667	100,09
2	Nguồn vốn	Triệu đồng	124.715	128.877	103,34
	+ Nợ phải trả	Triệu đồng	12.308	16.470	133,82
	+ Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	112.407	112.407	100,00
3	Vốn điều lệ	Triệu đồng	111.688	111.688	100,00
4	Các chỉ tiêu tài chính:				
	Tài sản dài hạn trên tổng tài sản	%	78,24	75,78	96,86
	Nợ phải trả trên tổng nguồn vốn	%	9,87	12,78	129,48
	Vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn	%	90,13	87,22	96,77
	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,33	1,97	84,55
	Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA)	%	3,97	4,69	118,14
	Tỷ suất sinh lời của vốn chủ sở hữu (ROE)	%	4,41	5,38	121,99

3. Đánh giá phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông:

Trong năm 2018, công tác phối hợp giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty khá chặt chẽ, đáp ứng, cung cấp kịp thời các số liệu, hồ sơ chứng từ có liên quan phục vụ nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát của Ban Kiểm soát nhằm đảm bảo lợi ích cổ đông và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty.

Đồng thời, Hội đồng quản trị kết hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát kiểm tra, nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của công ty để đóng góp ý kiến với Tổng Giám đốc và Ban điều hành để hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh đề ra. Ban Kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp HĐQT, thông qua đó, Ban Kiểm soát có cơ hội trao đổi, bàn bạc trực tiếp về những ý kiến đóng góp của mình với HĐQT và Ban điều hành, với tư cách là giám sát viên và đại diện cổ đông.

Sự phối hợp này, được thực hiện phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Đối với cổ đông, trong năm 2018, Ban Kiểm soát chưa nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có tỷ lệ và thời gian sở hữu cổ phần theo quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.

II. Kế hoạch công tác năm 2019 của Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Trong năm 2019, Ban Kiểm soát sẽ tập trung thực hiện các nội dung công việc sau:

- Kiểm tra, kiểm soát liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty;

- Kiểm soát các vấn đề về quản lý thu, chi và các hoạt động thường xuyên của Công ty.

- Giám sát Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

- Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;
- HĐQT;
- Ban TGD
- Lưu VT.

**TM/ BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Quách Thụy Phương Châu



Phụ lục 01**CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Phiên họp	Số thành viên tham dự	Nội dung chính
Ngày 25/01/2018	3/3 thành viên BKS	<ul style="list-style-type: none">- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 và Dự thảo Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018;- Phê duyệt Quỹ tiền lương, tiền thưởng thực hiện của Người lao động và Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện của Người quản lý và thù lao thư ký HĐQT công ty năm 2017;- Trình ban hành quy chế làm việc Công ty;- Phê duyệt Quỹ tiền lương, tiền thưởng kế hoạch của Người lao động và Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng kế hoạch của Người quản lý và thù lao thư ký HĐQT công ty năm 2018.
Ngày 02/5/2018	3/3 thành viên BKS	<ul style="list-style-type: none">- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh quý I và Kế hoạch sản xuất kinh doanh quý II năm 2018;- Dự thảo kế hoạch hoạt động năm 2018 của Ban Kiểm soát Công ty.
Ngày 08/8/2018	3/3 thành viên BKS	<ul style="list-style-type: none">- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2018;- Xem xét thông qua về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch năm 2018 của Công ty;- Thảo luận nội dung dự thảo quy chế Công bố thông tin của Công ty.
Ngày 23/10/2018	3/3 thành viên BKS	<ul style="list-style-type: none">- Thảo luận báo cáo số 64/BC-CTY ngày 16/10/2018 của Công ty về việc sơ kết kết quả sản xuất kinh doanh quý III về kế hoạch quý IV năm 2018;- Thảo luận về việc Công ty xin chủ trương đầu tư bổ sung;- Thảo luận về việc Công ty xin chủ trương bổ nhiệm ông Nguyễn Thanh Tuấn;

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
Về việc trích lập các quỹ, mức chia cổ tức năm 2018
Phương án trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2019

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu được Đại Hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 19/12/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ thông qua ngày 19/12/2015 của Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ thông qua ngày 20/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu kính trình Đại hội đồng cổ đông các nội dung sau:

1. Tình hình trích lập các quỹ và mức chia cổ tức năm 2018:

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ	Số tiền (đồng)
1	Tổng lợi nhuận trước thuế		7.595.193.237
2	Chi phí thuế TNDN hiện hành		1.543.781.026
3	Lợi nhuận sau thuế		6.051.412.211
4	Lợi nhuận được phân phối		6.051.412.211
4.1	Quỹ thưởng người quản lý	02%	121.028.244
4.2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	35%	2.117.994.274
4.3	Chia cổ tức	62%	3.745.984.000
4.4	Lợi nhuận chuyển năm sau	01%	66.405.693

2. Mức trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2019:

Căn cứ vào Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu được chủ sở hữu nhà nước phê duyệt chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế là **6.579.790.000 đồng** được phân phối như sau:

- Trích tỷ lệ chia cổ tức từ 3,7% vốn điều lệ trở lên.

- Mức chi khen thưởng phúc lợi cho người lao động và quỹ thưởng người quản lý thực hiện phân phối sau khi có kết quả kinh doanh thực tế năm 2019.

Trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Trần Văn Sỹ

Số: 19 /TTr-HĐQT

Bạc Liêu, ngày 09 tháng 09 năm 2019

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI CỔ ĐỒNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

**Thông qua thù lao, tiền lương thực hiện của người quản lý, thư ký năm 2018
và thù lao, tiền lương kế hoạch của người quản lý, thư ký năm 2019**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 của Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu đã được Đại hội đồng Cổ đông thành lập thông qua ngày 19/12/2015;

Căn cứ Công văn số 1831/ĐTKDV - CNPN ngày 06/9/2019 của Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước về việc đề nghị tham gia ý kiến họp Hội đồng quản trị;

Căn cứ Quyết định số 249/QĐ-ĐTKDV ngày 29/8/2019 của Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước về việc ủy quyền đại diện phần vốn của Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu,

Để đảm bảo trách nhiệm gắn với quyền lợi của người quản lý điều hành, giám sát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua thù lao, tiền lương thực hiện năm 2018 và kế hoạch năm 2019 như sau:

I. Thù lao, tiền lương thực hiện của người quản lý và thù lao thư ký năm 2018

1. Thù lao thực hiện của người quản lý

- Thù lao của Chủ tịch HĐQT: 116.328.960 đồng/người /năm.

(9.694.080 đồng x 01 người x 12 tháng)

- Thù lao Thành viên Hội đồng quản trị: 97.716.326 đồng/người /năm.



(8.143.027 đồng x 01 người x 12 tháng)

- Thù lao Ban kiểm soát: 146.574.490 đồng/02 người /năm.

(6.107.270 đồng x 02 người x 12 tháng)

*** Tổng quỹ thù lao thực hiện của người quản lý năm 2018**

116.328.960 + 97.716.326 + 146.574.490 = 360.619.776 đồng/năm

2. Tiền lương thực hiện của người quản lý, thù lao thư ký

- Quỹ tiền lương Hội đồng quản trị: 691.200.000 đồng/02 người /năm

- Quỹ tiền lương người quản lý: 1.442.479.104 đồng/03 người /năm

*** Tổng quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý năm 2018**

691.200.000 + 1.442.479.104 = 2.133.679.104 đồng/năm

- Thù lao thư ký: 36.000.000 đồng/người /năm

(3.000.000 đồng x 01 người x 12 tháng)

II. Thù lao, tiền lương kế hoạch của người quản lý và thù lao thư ký năm 2019

1. Thù lao kế hoạch của người quản lý

- Thù lao của Chủ tịch HĐQT: 108.000.000 đồng/người /năm.

(9.000.000 đồng x 01 người x 12 tháng)

- Thù lao Thành viên Hội đồng quản trị 126.000.000 đồng/02 người /năm.

(7.000.000đ x 01 người x 12 tháng) +(7.000.000đ x 01 người x 06 tháng)

- Thù lao Ban kiểm soát: 132.000.000 đồng/02 người /năm.

(5.500.000 đồng x 02 người x 12 tháng)

*** Tổng quỹ thù lao kế hoạch của người quản lý năm 2019**

108.000.000 + 126.000.000 + 132.000.000 = 366.000.000 đồng/năm

2. Tiền lương kế hoạch của người quản lý, thù lao thư ký

- Quỹ tiền lương Hội đồng quản trị: 432.000.000 đồng/người /năm

- Quỹ tiền lương của người quản lý: 1.202.065.920 đồng/03 người /năm

*** Tổng quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý năm 2019**

432.000.000 + 1.202.065.920 = 1.634.065.920 đồng/năm

- Thù lao thư ký: 36.000.000 đồng/người /năm

(3.000.000 đồng x 01 người x 12 tháng)

III. Thù lao, tiền lương thực hiện

Quý thù lao, tiền lương thực hiện của người quản lý thực hiện theo quy định tại Điều 15,16 Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH *py*



Trần Văn Sỹ



Số: 22/TTr - HĐQT

Bạc Liêu, ngày 09 tháng 9 năm 2019

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
Về việc miễn nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị
nhiệm kỳ 2015-2020 tại Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 106/2015/NĐ-CP ngày 23/10/2015 của Chính phủ về quản lý người đại diện phần vốn nhà nước giữ các chức danh quản lý tại doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 19/12/2015;

Căn cứ Quyết định số 249/QĐ-ĐTKDV ngày 29/8/2019 của Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước về việc ủy quyền đại diện phần vốn của Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu;

Căn cứ Quyết định số 248/QĐ-ĐTKDV ngày 29/8/2019 về việc thôi làm Người đại diện vốn của Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu;

Căn cứ Đơn xin thôi giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị của ông Trần Văn Sỹ,

Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu (gọi tắt là Công ty) tại Đại hội đồng cổ đông thành lập nhiệm kỳ thứ I năm 2015 - 2020 đã bổ nhiệm 03 thành viên Hội đồng quản trị và là Người đại diện vốn nhà nước tại Công ty gồm:

1. Ông Trần Văn Sỹ - Chủ tịch HĐQT;
2. Ông Lê Văn Sơn - Thành viên HĐQT
3. Ông Võ Minh Trang - Thành viên HĐQT kiêm TGD.

Nhân sự Hội đồng quản trị sau khi thực hiện chuyển giao vốn về SCIC hiện nay còn 02 đồng chí tham gia Hội đồng quản trị (đ/c Trần Văn Sỹ Phó Giám đốc Phụ trách Sở Tài Chính kiêm nhiệm Người đại diện vốn giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị và đ/c Võ Minh Trang chuyên trách Người đại diện vốn nhà nước thành viên HĐQT) và 01 đ/c đã nghỉ hưu (đ/c Lê Văn Sơn).

Thực hiện theo Nghị định số 106/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý người đại diện vốn nhà nước giữ các chức danh quản lý tại doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thì đồng chí Trần Văn Sỹ Chủ tịch Hội đồng quản trị không thỏa điều kiện được tiếp tục tham gia làm người đại diện vốn nhà nước (đ/c Trần Văn Sỹ đã có đơn từ nhiệm) vì vậy để đảm bảo có đủ số lượng 03

thành viên tham gia Hội đồng quản trị Công ty cần bổ sung thêm 02 thành viên theo quy định của Điều lệ Công ty.

Thực hiện Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu và quy định của pháp luật có liên quan, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét danh sách miễn nhiệm và bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015 - 2020 như sau:

SỐ TT	Miễn nhiệm	Bổ nhiệm
1	Ông Trần Văn Sỹ - Chủ tịch HĐQT	Ông Quốc Hồ Đình Tuấn
2		Ông Lê Văn Huy

Sơ yếu lý lịch của các thành viên Hội đồng quản trị bổ nhiệm được đính kèm tại Tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT.



Trần Văn Sỹ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
-----o0o-----

Tp. HCM, ngày 27 tháng 8 năm 2019

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng để tham gia làm ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu)

- Họ và tên: **LÊ VĂN HUY**
- Giới tính:.....Nam Nữ
- Ngày sinh: 23/02/1987
- Quốc tịch: Việt Nam
- CCCD số: 060087000147 ngày cấp: 30/10/2018 nơi cấp: Cục Cảnh sát
- Địa chỉ thường trú: 72/33 đường 304, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM
- Số điện thoại liên lạc: 0919 441 441
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

Bằng cấp	Chuyên ngành	Năm tốt nghiệp	Thời gian đào tạo	Cơ sở đào tạo
Thạc sỹ	Tài chính - Ngân hàng	2013	2010-2013	Đại học quốc gia – Đại học Kinh tế - Luật

10. Quá trình công tác:

Từ năm... đến năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
2010-2012	Ngân hàng Phát triển nhà đồng bằng sông cửu long	Chuyên viên
2012-2015	Sở Tài chính Bình Thuận	Chuyên viên
2015-nay	Chi nhánh phía Nam - SCIC	Chuyên viên

11. Công tác kiêm nhiệm:

Từ năm... đến năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
2017- nay	CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang	Thành viên BKS

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là trung thực, chính xác, hợp lý và đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về thành viên Hội đồng quản trị quy định trong Quy chế đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu tại Đại hội cổ đông 2019 (ĐHCD hết nhiệm kỳ 2016-2020).

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, tôi cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty.

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Huy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
 -----o0o-----

Tp. HCM, ngày 27 tháng 8 năm 2019

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng để tham gia làm ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị
 Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu)

1. Họ và tên: **QUỐC HỒ ĐÌNH TUẤN**
2. Giới tính:.....Nam Nữ
3. Ngày sinh: 24/9/1960
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. CMND số: 025 025 375 ngày cấp: 10/10/2008 nơi cấp: CA TP. HCM
6. Địa chỉ thường trú: 128/6 Bàn Cờ, Phường 3, Quận 3, Tp. HCM
7. Số điện thoại liên lạc: 0983 485 795
8. Trình độ văn hoá: 12/12
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Bằng cấp	Chuyên ngành	Năm tốt nghiệp	Thời gian đào tạo	Cơ sở đào tạo
Trung cấp	Kế toán - tài chính	1990	1987-1990	Trường TH Thương nghiệp TW II Đà Nẵng
Cử nhân kinh tế	Quản trị kinh doanh Đà Nẵng	1997	1993-1997	ĐH Kinh tế Đà Nẵng
Cử nhân chính trị	Cử nhân chính trị	2001	1997-2001	Học Viện Chính trị Quốc gia HCM
Chứng chỉ B	Anh ngữ	2000	2000	TT Ngoại ngữ ĐH SP Huế
Chứng chỉ B	Tin học VP	2002	2002	TT Tin học Quảng Trị
Chứng chỉ	Nghiệp vụ kế toán trưởng DN	2001	2001	ĐH Kinh tế quốc dân
Chứng chỉ	Quản lý nhà nước chuyên viên chính	2002	2002	Học Viện Hành chính QG
Chứng chỉ	Nghiệp vụ định giá doanh nghiệp	2000	2000	TT BDCB – Bộ Tài Chính
Chứng chỉ	Phân tích tài chính và kiểm toán nội bộ	2000	2000	Cục TCDN – Bộ Tài chính
Chứng chỉ	Nghiệp vụ quản lý đầu tư	1998	1998	Bộ KH & ĐT

Chứng chỉ	Nghiệp vụ đầu tư chứng khoán	2007	2007	Đại học Đà Nẵng
Chứng chỉ	Quản trị Công ty CP đại chúng	2009	2009	Ủy ban Chứng khoán NN
Chứng chỉ	Quản trị cấp trung MMM	2010	2010	Trường Doanh nhân PACE
Chứng chỉ	Lập và thẩm định DA đầu tư	2011	2011	Viện NC Khoa học lãnh đạo và QTKD
Chứng chỉ	Quản trị Công ty và Cơ chế kiểm soát - CG	2013	2013	Trường Doanh nhân PACE
Chứng chỉ	Đọc và phân tích báo cáo tài chính DN	2014	2014	Trường Doanh nhân T.T.I
Chứng chỉ	Kỹ năng quản lý cấp cao	2015	2015	Trường Đại học Kinh tế TP. HCM – UEH
Chứng chỉ	Quản trị chiến lược	2015	2015	Trường Doanh nhân PACE

10. Quá trình công tác:

Từ năm... đến năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
8/1980 -10/1984	Bộ đội hóa học C21, F320A, QĐ3	B. Trưởng
10/1984 - 6/1989	Trường Thương nghiệp BTT	Chuyên viên Phòng Đào tạo
7/1989 - 11/1995	Trường phòng XNK Công ty Thương mại Quảng Trị	Trưởng phòng XNK
12/1995 - 8/2007	Sở Tài chính Quảng Trị	Trưởng phòng TCDN
8/2007 - 3/2009	Hội sở Ngân hàng MHB	Kiểm tra viên chính Phòng KSNB
4/2009 – 31/5/2017	Chi nhánh phía Nam - SCIC	Kinh tế viên chính. Trưởng Phòng QLDM
01/6/2017 - 14/11/2017	Chi nhánh phía Nam - SCIC	Phó Giám đốc
15/11/2017- 25/10/2018	Chi nhánh miền Trung – SCIC	Phó Giám đốc phụ trách
26/10/2018- Nay	Chi nhánh phía Nam - SCIC	Phó Giám đốc

11. Công tác kiêm nhiệm:

Từ năm... đến năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/7/2016 - Nay	CTCP XNK Nông sản Thực phẩm An Giang	Người đại diện 7.000.000 cổ phiếu của SCIC – Chủ tịch HĐQT

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là trung thực, chính xác, hợp lý và đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về thành viên Hội đồng quản trị quy định trong Quy chế đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu tại Đại hội cổ đông 2019 (ĐHCD hết nhiệm kỳ 2016-2020).

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, tôi cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty.

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)



Quốc Hồ Đình Tuấn

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu được Đại Hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 19/12/2015,

Để đảm bảo hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019, cụ thể các nội dung như sau:

1. Loại Báo cáo tài chính cần kiểm toán: Báo cáo tài chính năm 2019.

2. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

- Là đơn vị có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, có uy tín, đề cao đạo đức nghề nghiệp, có trình độ chuyên môn cao, nhiều năm kinh nghiệm nhằm đảm bảo chất lượng và tiến độ kiểm toán Báo cáo tài chính.

- Chi phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu yêu cầu.

3. Đề xuất:

Trên cơ sở các tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập như trên, để công tác kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 được thuận lợi, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán thỏa mãn các tiêu chí và thông qua việc ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị chọn 01 đơn vị kiểm toán phù hợp trong các danh sách đơn vị, như sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán VACO;

- Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Thành phố Hồ Chí Minh (AISC);

- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES);
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C (A&C).

Trường hợp cả 04 đơn vị dự định lựa chọn này không đủ điều kiện theo Công bố của Bộ Tài chính đến thời điểm kiểm toán thì Ban Kiểm soát đề xuất lựa chọn để Hội đồng quản trị quyết định chọn đơn vị khác đủ điều kiện thay thế mà không phải xin ý kiến của cổ đông.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Quách Thụy Phương Thảo

Số: 20/TTr - HĐQT

Bạc Liêu, ngày 09 tháng 9 năm 2019

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006, sửa đổi bổ sung bởi Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 thông qua ngày 24/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ về việc hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 19/12/2015,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu (gọi tắt là Công ty) thực hiện sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Điều lệ Công ty trên cơ sở rà soát đối chiếu văn bản quy định của pháp luật với mục tiêu ngày càng hoàn thiện chặt chẽ các quy định của Điều lệ đồng thời phù hợp với hoạt động thực tế của Công ty.

Sau khi cập nhật sửa đổi, bổ sung sẽ làm thay đổi thứ tự một số điều theo Điều lệ mới. Các nội dung của điều khoản sửa đổi, bổ sung được nêu cụ thể tại Phụ lục kèm theo tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Trần Văn Sỹ

PHỤ LỤC
NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU

Từ viết tắt: *DHĐCD*: đại hội đồng cổ đông; *HDQT*: hội đồng quản trị; *DN*: Doanh nghiệp; *CTCP*: Công ty cổ phần

Điều khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi	Lí do sửa đổi
Điều 1	1.1 "Vốn điều lệ" là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 8 Điều lệ này;	1.1 "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 8 Điều lệ này	Tuân thủ Điều lệ mẫu
Khoản 3 Điều 2	Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Nghĩa vụ và trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều 13 và 14 Luật doanh nghiệp.	Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Quy định về người đại diện theo pháp luật và trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật theo Điều 13 và 14 Luật Doanh nghiệp.	Chính xác hơn
Khoản 2 Điều 8	Cơ cấu cổ phần sở hữu của Công ty CP Cấp nước Bạc Liêu tại thời điểm thành lập: - Cổ phần sở hữu Nhà Nước: 11.017.600 cổ phần, chiếm 98,65% vốn điều lệ. - Cổ phần bán theo chính sách ưu đãi cho người lao động: 118.300 cổ phần, chiếm 1,06% vốn điều lệ. - Cổ phần bán đấu giá công khai cho nhà đầu tư khác: 32.900 cổ phần, chiếm 0,29% vốn điều lệ. Trong tổng số 11.017.600 cổ phần sở hữu Nhà Nước, Nhà nước tiếp tục bán tiếp phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần sau khi công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động cho đến khi vốn sở hữu Nhà Nước chỉ còn nắm giữ 60% trên tổng vốn điều lệ (theo Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày	Bỏ khoản 2 và thay thế bằng quy định sau: 2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.	Tuân thủ Điều lệ mẫu.

Điều khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi	Lí do sửa đổi
	16/4/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu về việc Phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu).		
Khoản 1 Điều 10	Mọi cổ đông đều có quyền được cấp một chứng chỉ cổ phiếu nhất định. Cổ phiếu là Giấy chứng nhận xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty.	Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.	Tuân thủ Điều lệ mẫu; Ngắn gọn, chính xác hơn (định nghĩa cổ phiếu đã nêu ở Điều 9 không nên nhắc lại)
Khoản 2 Điều 10	Mọi chứng chỉ cổ phiếu được phát hành phải có đóng dấu của Công ty, có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty và phải đảm bảo các nội dung theo quy định tại Điều 120 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với Công ty.	Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.	Tuân thủ Điều lệ mẫu, và phù hợp với BLW vì công ty đã đăng ký giao dịch trên Upcom.
Khoản 1 Điều 14	Trong trường hợp cổ đông qua đời, Công ty tôn trọng quyền thừa kế cổ phần hợp pháp theo luật định. Trong trường hợp có nhiều người thừa kế hợp pháp thì những người này phải cử một người sở hữu duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có công chứng, chứng thực.	Trong trường hợp cổ đông qua đời, Công ty tôn trọng quyền thừa kế cổ phần hợp pháp theo luật định. Trong trường hợp có nhiều người thừa kế hợp pháp thì những người này phải cử một người trong số họ làm đại diện ủy quyền sở hữu duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có công chứng, chứng thực.	Bổ sung cho rõ ý, hạn chế hiểu sai.
Khoản 1 Điều 15	Công ty có quyền mua lại không quá 30% cổ phiếu phổ thông đã bán hoặc mua lại một phần hoặc toàn bộ cổ phần còn lại khác đã bán theo quy định của Điều 130	Công ty có quyền mua lại không quá 30% cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán. Việc mua lại cổ phần được Công ty thực hiện	Chính xác hơn, tuân thủ đúng Điều 130 Luật DN.

Điều khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi	Lí do sửa đổi
	<i>Luật doanh nghiệp. Việc mua lại cổ phần được Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 130 của Luật doanh nghiệp.</i>	<i>theo quy định tại Điều 130 của Luật Doanh nghiệp.</i>	
Khoản 6 Điều 15	<i>Cổ phần, trái phiếu của Công ty có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật và phải được thanh toán đủ một lần</i>	<i>Bỏ Khoản 6</i>	Quy định này rất phức tạp, việc sử dụng các tài sản này để thanh toán không thuận tiện, nhiều trường hợp phải tiến hành định giá tài sản
Khoản 1 Điều 16	<i>Cổ đông là những người chủ sở hữu của Công ty có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Trách nhiệm của mỗi cổ đông được giới hạn theo số tiền mệnh giá của các cổ phần mà cổ đông nắm giữ</i>	<i>Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.</i>	Sửa theo Khoản 1 Điều 12 Điều lệ mẫu. (Giá trị sổ sách cổ phiếu nhiều khi xuống thấp hơn cả 10.000VNĐ/1cp)
Khoản 2 Điều 16	<i>Cổ đông Công ty có các quyền sau: a.... b.... c.... d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu ít nhất 01 (một) cổ phần phổ thông được tham dự Đại hội đồng cổ đông và được thảo luận biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; i. Đối với cổ đông chiến lược của Công ty được sử dụng cổ phiếu để cầm cố, thế chấp trong các quan hệ tín dụng ở Việt Nam; j. Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật.</i>	<i>Cổ đông phổ thông có các quyền sau: a.... b.... c.... d. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa; <i>Bỏ Khoản i</i> Đưa Điểm j thành Điểm i</i>	Tuân thủ Điều 114 Luật DN và Khoản 2 Điều 12 Điều lệ mẫu CĐCL sẽ theo các điều kiện ràng buộc của từng trường hợp cụ thể, không nên đưa vào Điều lệ.
Điều 17 Tên Điều	<i>Tên điều 17 "Nghĩa vụ các cổ đông"</i>	<i>Nghĩa vụ của cổ đông</i>	Chính xác hơn (theo Điều lệ mẫu)

Điều khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi	Lí do sửa đổi
Khoản 1 Điều 17	<p>Các cổ đông có nghĩa vụ sau:</p> <p>.....</p> <p>Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.</p>	<p>Cổ đông phổ thông có nghĩa vụ sau:</p> <p>.....</p> <p>Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</p>	<p>Chính xác hơn (theo Điều lệ mẫu)</p> <p>Tuân thủ đúng Khoản 1 Điều 115 Luật DN.</p>
Khoản 4 Điều 17	<p>Có trách nhiệm bảo vệ tài sản, uy tín, bí mật trong hoạt động kinh doanh của Công ty</p>	<p>Đề nghị đổi thành nội dung sau:</p> <p>Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p>	<p>- Không phải lúc nào cổ đông cũng được giao quản lý tài sản, bí mật kinh doanh và phương tiện để bảo vệ uy tín công ty. Đây là trách nhiệm của Ban lãnh đạo và người lao động thì hợp lý hơn.</p> <p>- Tuân thủ Khoản 2, Điều 13 Điều lệ mẫu.</p>
Khoản 4 Điều 18	<p>4. Việc ủy quyền cho người đại diện dự Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do Hội đồng quản trị quy định và phải có chữ ký của người ủy quyền như sau:</p> <p>.....</p>	<p>4. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự theo quy định. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Việc ủy quyền cho người đại diện dự Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do Hội đồng quản</p>	<p>Bổ sung nội dung tại khoản 1 Điều 24 Điều lệ hiện hành vào khoản 4 Điều 18 cho đầy đủ do đã bỏ Điều 24 Điều lệ hiện hành vì có nhiều điểm trùng lặp với Điều 18.</p>

Điều khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi	Lí do sửa đổi
		<i>trị quy định và phải có chữ ký của người ủy quyền như sau:</i>	
Khoản 8 Điều 18	Không có	Bổ sung thêm khoản 8 Điều 18: 8. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).	Chuyển nội dung tại khoản 3 Điều 24 Điều lệ hiện hành vào Điều 18 cho đầy đủ do đã bỏ Điều 24 Điều lệ hiện hành vì có nhiều điểm trùng lặp với Điều 18.
Khoản 1 Điều 21	<i>Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty. Các cổ đông có đủ điều kiện quy định tại mục d Khoản 2 Điều 16 có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính</i>	<i>Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Công ty có thể gia hạn thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</i>	Chính xác hơn theo Khoản 1 Điều 14 Điều lệ mẫu. (Luật DN quy định ĐHĐCĐ được tổ chức khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết). Việc gia hạn thời gian họp ĐHĐCĐTN theo Điều 136 Luật DN.
Khoản 2 Điều 21	<i>2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</i>	Đề xuất bỏ Khoản 2 vì nội dung tại Khoản 2 Điều 21 đang trùng lặp với nội dung Điều 23	Đảm bảo nội dung các Điều không trùng lặp.
Khoản 3 Điều 21	<i>Các trường hợp cổ đông không được quyền biểu quyết: Cổ đông không được biểu quyết để thông qua các hợp đồng quy định tại điểm k Khoản 2 điều này, nếu cổ đông đó hoặc người có liên quan đến cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</i>	<i>Các trường hợp cổ đông không được quyền biểu quyết: Cổ đông không được biểu quyết để thông qua các hợp đồng/giao dịch quy định tại Điểm o Khoản 2 Điều 23, nếu cổ đông đó hoặc người có liên quan đến cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</i>	Sửa lại Khoản 3 vì đã bỏ Khoản 2 Điều 21
Khoản 2 Điều 23	<i>d. Lựa chọn Công ty kiểm toán; e. Tổng số tiền thù lao của các thành viên</i>	<i>d. Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập; e. Tổng số tiền thù lao của các thành viên</i>	Sửa lại theo Điều 15 Điều lệ mẫu (chính xác

Điều khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi	Lí do sửa đổi
	<p>Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p> <p>m. Quyết định các khoản đầu tư, giao dịch mua bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.</p>	<p>Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</p> <p>m. Quyết định các khoản đầu tư, giao dịch mua bán tài sản Công ty có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>p. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>hơn)</p> <p>Theo quy định, Chi nhánh là đơn vị hạch toán phụ thuộc đối với Công ty, do đó Chi nhánh không có tài sản riêng. Đồng thời, Công ty cũng không có Chi nhánh nên việc bỏ “Chi nhánh” trong quy định tại Khoản 2 điều 23 Điều lệ Công ty là phù hợp.</p>
Khoản 3 Điều 23	Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây: ...	Đề xuất bỏ vì trùng với Khoản 3 Điều 21	Đảm bảo nội dung các Điều không trùng lặp.
Điều 24	Các đại diện được ủy quyền	Bỏ điều khoản này vì có nhiều điểm trùng lặp với Điều 18. Các điều khoản khác với Điều 18 Điều lệ cũ chưa có đã được bổ sung vào Điều 18 của dự thảo Điều lệ mới.	Đảm bảo nội dung các Điều không trùng lặp.
Khoản 1 Điều 26	Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c Khoản 4 Điều 16 Điều lệ này	Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại b hoặc điểm c Khoản 4 Điều 16 và Khoản 4, Khoản 5 Điều 22 Điều lệ này	Bổ sung thêm tham chiếu tại các trường hợp HĐQT triệu tập DHCĐ bất thường.
Khoản 3 Điều 26	Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông.... Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.	Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông.... Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;	Quy định chi tiết như Khoản 3 Điều 18 Điều lệ mẫu để Công ty tuân thủ thực hiện

Điều khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi	Lí do sửa đổi
		<p><i>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</i></p> <p><i>c. Phiếu biểu quyết;</i></p> <p><i>d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;</i></p> <p><i>e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</i></p>	
Khoản 4 Điều 26	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 16 Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 16 Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.	Đầy đủ chi tiết theo Khoản 4 Điều 18 Điều lệ mẫu.
Khoản 4 Điều 27	4. Chỉ Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 181 của Luật doanh nghiệp.	4. Chỉ Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 139 của Luật Doanh nghiệp.	Công ty nhầm lẫn về số hiệu Điều khoản quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014
Khoản 2 Điều 28	Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông.... Số thành viên của Ban bầu cử và kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.	Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông.... Số thành viên của Ban bầu cử và kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa.	Tuân thủ Điểm d Khoản 2 Điều 142 Luật DN và Khoản 2 Điều 20 Điều lệ mẫu.
Khoản 3 Điều 28	Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muốn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội...	Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự Đại hội đồng cổ đông muốn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia	Chính xác hơn theo Khoản 3 Điều 20 Điều lệ mẫu và Khoản 6 Điều

Điều khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi	Lí do sửa đổi
		và biểu quyết tại đại hội...	142 Luật DN
Khoản 4 Điều 28	Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ Trường hợp không có người có thể làm chủ toạ, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ toạ cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp....	Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ Trường hợp không có người có thể làm chủ toạ, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ toạ cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp....	Tuân thủ đúng Khoản 2 Điều 142 Luật DN và Khoản 4 Điều 20 Điều lệ mẫu
Khoản 5 Điều 28	Chủ toạ là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.	Bỏ đi, thay bằng quy định sau: Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.	Tuân thủ Khoản 5 Điều 20 Điều lệ mẫu.
Khoản 8, Khoản 9 Khoản 10 Điều 28		Thay chủ thể hành động từ "Hội đồng quản trị" sang "Người triệu tập họp ĐHCĐ"	Tuân thủ đúng Khoản 7 Điều 142 Luật DN và Khoản 8, Khoản 9, Khoản 10 Điều 20 Điều lệ mẫu.
Điểm a Khoản 1 Điều 29	Trừ trường hợp quy định tại điểm b Khoản 1 Điều này	Trừ trường hợp quy định tại điểm b và điểm c Khoản 1 Điều này	Chính xác và đầy đủ hơn.
Điểm b Khoản 1 Điều 29	b. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc, đầu tư hoặc giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị lớn hơn 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết	b. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc, đầu tư hoặc giao dịch mua, bán tài sản Công ty thực hiện có giá trị lớn hơn 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết	Tương tự Khoản 2 Điều 23 Điều lệ Công ty nêu trên.
Điều 32	Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm	Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu	Tuân thủ Điều 24 Điều lệ mẫu và Điều 147 Luật DN

Điều khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi	Lí do sửa đổi
	<p><i>phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</i></p> <p><i>Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</i></p> <p><i>Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.</i></p>	<p><i>lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 16 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</i></p> <p><i>Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.</i></p> <p><i>Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.</i></p>	<p>Trình tự thủ tục đã được nêu ở dòng trên nên không lặp lại.</p>
<p>Điều 33 Tên Điều</p>	<p><i>Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị (gọi tắt là HĐQT)</i></p>	<p><i>Thành phần, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện, ứng cử/đề cử của thành viên Hội đồng quản trị (gọi tắt là HĐQT)</i></p>	<p>Phản ánh đầy đủ các nội dung của Điều 33</p>
<p>Khoản 1 Điều 33</p>	<p><i>Số lượng thành viên HĐQT từ 03 (ba) người đến 11 (mười một) người. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</i></p>	<p><i>Số lượng thành viên HĐQT từ 03 (ba) người đến 11 (mười một) người. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</i></p>	<p>Bỏ câu trùng lặp</p>
<p>Khoản 2 Điều 33</p>	<p><i>Cơ cấu Hội đồng quản trị bao gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <i>- 01 (một) Chủ tịch HĐQT;</i> <i>- Các thành viên HĐQT (số lượng thành viên do Đại hội cổ đông quyết định tùy theo thời điểm).</i> 	<p><i>Cơ cấu Hội đồng quản trị bao gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <i>- 01 (một) Chủ tịch HĐQT;</i> <i>- Các thành viên HĐQT (số lượng thành viên do Đại hội cổ đông quyết định tùy theo thời điểm).</i> <i>- Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</i> 	<p>Đảm bảo tuân thủ Điều 26 Điều lệ mẫu. Tuy nhiên, Điều lệ mẫu có quy định: “Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị của công ty có ít hơn (05) năm người, công ty phải đảm bảo có một thành viên</p>

Điều khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi	Lí do sửa đổi
			<p><i>Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.” Cơ cấu HĐQT hiện nay gồm 03 thành viên nhưng SCIC là cổ đông sở hữu 98,65% vốn điều lệ nên không cần thiết phải có thành viên độc lập. Đồng thời, nếu ràng buộc thành viên độc lập vào thì SCIC không thể đề cử cả 3 người đại diện của SCIC giữ 3/3 ghế thành viên HĐQT.</i></p>
<p>Khoản 6 Điều 33</p>		<p>Bổ sung thêm 2 trường hợp thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT: <i>f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên HĐQT;</i> <i>g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này</i></p>	<p>Tuân thủ Khoản 3 Điều 26 Điều lệ mẫu</p>
<p>Khoản 3 Điều 34</p>		<p>Bổ sung thêm quyền và nghĩa vụ của HĐQT như sau: <i>- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;;</i> <i>- Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông</i></p>	<p>Tuân thủ Khoản 2 Điều 27 Điều lệ mẫu.</p>
<p>Khoản 4 Điều 34</p>		<p>Bổ sung thêm nội dung sau: <i>Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10</i></p>	<p>Tuân thủ Điểm f Khoản 3 Điều 27.</p>

Điều khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi	Lí do sửa đổi
		<i>(mười) tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm</i>	
Khoản 4 Điều 36	<i>4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có đề xuất họp.</i>	<i>4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp.</i>	Phù hợp với quy định tại Khoản 5 Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2014.
Khoản 7 Điều 36	<i>Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp....</i>	<i>Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp</i>	Tuân thủ Khoản 7 Điều 30 Điều lệ mẫu
Khoản 8 Điều 36	<i>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất.</i>	<i>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất.</i>	Phù hợp với quy định tại Khoản 8 Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2014.
Khoản 9 Điều 36		Bổ sung thêm Điểm e như sau: <i>e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</i>	Tuân thủ Khoản 11 Điều 30 Điều lệ mẫu
Khoản 14 Điều 36	<i>14. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây: i. Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp.</i>	<i>14. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây: i. Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp và thư ký cuộc họp.</i>	Phù hợp với quy định tại Điều 154 Luật Doanh nghiệp.
Khoản 3 Điều 39		Bổ sung thêm nội dung sau về quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc (sau Điểm h): - Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty; - Trước ngày 31/10 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính	Tuân thủ Khoản 3 Điều 35 Điều lệ mẫu. (Đây là các thông lệ quản trị tiên tiến, đề nghị CNPN trao đổi với DN để bổ sung chỉnh sửa cho phù hợp)

Điều khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi	Lí do sửa đổi
		<p>năm (05) năm;</p> <p>- Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.</p>	
Khoản 4 Điều 40	<i>Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.</i>	Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật.	Vận dụng Khoản 4 Điều 32 Điều lệ mẫu. Thư ký chỉ có thể tư vấn thủ tục lập các nghị quyết, còn nội dung các nghị quyết do HĐQT chịu trách nhiệm.
Khoản 2 Điều 41	2. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:	2. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:	
Khoản 4 Điều 41		Bỏ đi vì trùng lặp với Khoản 2	Bỏ quy định trùng lặp

Điều khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi	Lí do sửa đổi
Khoản 1 Điều 42	<i>j. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</i>	<i>j. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả</i>	Tuân thủ Khoản Điểm d Khoản 1 Điều 38 Điều lệ mẫu.
Điều 46	<i>2. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc được trả theo quy định sau đây: a..... b..... c..... d.....</i>	Bỏ các nội dung chi tiết tại các điểm a đến điểm d Khoản 2: <i>2. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc được trả theo quy định tại các Điều 34 và 38 của Điều lệ này.</i>	Tránh các quy định trong Điều lệ bị trùng lặp.
Điều 47	<i>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cần trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.</i>	<i>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty.</i>	Sửa theo Điều 39 Điều lệ mẫu (tránh các diễn giải dài dòng phức tạp).
Điều 50		Bổ sung quy định sau: <i>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 3 Điều 16 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được</i>	Tuân thủ Điều 42 Điều lệ mẫu

Điều khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi	Lí do sửa đổi
		<i>ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</i>	
Khoản 4 Điều 56	4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty.	4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty.	Phù hợp với quy định đối với Công ty đại chúng, báo cáo 6 tháng cần thực hiện soát xét bởi đơn vị kiểm toán độc lập.
Điều 64	<i>Khoản 1</i>	Sửa ngày tháng cập nhật	

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 23/TTTr - HĐQT

Bạc Liêu, ngày 09 tháng 9 năm 2019

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
Thông qua Quy chế nội bộ quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ về việc hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ về việc hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 19/12/2015,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ thực hiện xây dựng Quy chế nội bộ quản trị công ty trên nguyên tắc cơ bản nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thẩm quyền, nghĩa vụ và phương thức hoạt động của người quản lý công ty (đính kèm quy chế).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Sỹ
Trần Văn Sỹ

DỰ THẢO

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số ... /NQ-ĐHĐCĐ ngày...../.../2019
của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019)*

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Cơ sở pháp lý

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Luật chứng khoán số 70/2006/QH11, Luật chứng khoán sửa đổi số 62/2010/QH12, Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ, Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thẩm quyền, nghĩa vụ và phương thức hoạt động của người quản lý Công ty.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

- Đại hội đồng cổ đông;
- Thành viên Hội đồng quản trị; Thành viên Ban kiểm soát; Thành viên Ban Tổng Giám đốc và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của các đối tượng này;
- Các tổ chức, cá nhân có quyền lợi liên quan đến Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:
 - a. “Bawaco hoặc Công ty”: là Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.
 - b. “Điều lệ”: là Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty đang có hiệu lực hiện hành được Đại hội đồng cổ đông thông qua hợp pháp.
 - c. “Cổ đông”: là những cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phiếu của Công ty.
 - d. “ĐHĐCĐ”: là Đại hội đồng cổ đông Công ty.
 - đ. “Luật doanh nghiệp”: Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13.
 - e. “Luật Chứng khoán”: Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 và Luật chứng khoán sửa đổi số 62/2010/QH12.

g. “HĐQT”: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.

h. “BKS”: Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.

i. “UBCK NN” Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

k. “Sở GDCK HN”: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

l. “Người có liên quan”: là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp và Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.

m. “Người quản lý Công ty” bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.

2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 5. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông.

Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Thông báo về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội cổ đông được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty, Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHCĐ:

Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHCĐ được lập dựa trên danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày giao dịch không hưởng quyền do Trung tâm lưu ký Chứng khoán cung cấp.

Thông báo họp ĐHCĐ phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày đại hội, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, dựa trên ngày trả cước phí hoặc đóng dấu bưu điện).

2. Công tác chuẩn bị họp ĐHCĐ

Người triệu tập ĐHCĐ phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại ĐHCĐ; chương trình, nội dung đại hội; tài liệu cho đại hội; thời gian và địa điểm tổ chức ĐHCĐ; Thông báo và gửi thông báo họp ĐHCĐ cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp đúng thời gian quy định tại Khoản 1 Điều này; và các vấn đề khác phục vụ Đại hội phù hợp với luật pháp và các qui định của Công ty. Các vấn đề đưa vào chương trình ĐHCĐ phải phù hợp với thẩm quyền ĐHCĐ được qui định tại Điều lệ Công ty.

3. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ

Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm họp, cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và UBCK NN chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ. Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của công ty, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và của UBCK NN về việc họp ĐHĐCĐ, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên. Tài liệu họp ĐHĐCĐ phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc ĐHĐCĐ.

Các tài liệu bao gồm:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;
- Phiếu biểu quyết;
- Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Khi cổ đông hoặc người được ủy quyền đến tham dự đại hội phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham gia đại hội với Ban tổ chức đại hội và xuất trình các giấy tờ sau:

- Thông báo tham dự đại hội (nếu có);
- Giấy chứng minh nhân dân/ Thẻ căn cước hoặc Hộ chiếu;
- Giấy ủy quyền hợp lệ (trường hợp được ủy quyền tham dự đại hội).

Điều 8. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

Việc biểu quyết các vấn đề tại đại hội tùy trường hợp sẽ được thực hiện theo các hình thức dưới đây:

1. Biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu kín

a. Việc biểu quyết các nội dung theo hình thức bỏ phiếu kín phải bảo đảm minh bạch và công bằng.

Các nội dung biểu quyết được ghi trong Phiếu biểu quyết sẽ được cổ đông/ đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết bằng việc lựa chọn phương án tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến vào từng nội dung cần lấy ý kiến.

b. Các cổ đông bỏ phiếu theo nguyên tắc sau:

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Chủ tọa đại hội hoặc Trưởng ban kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu vào thùng phiếu. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được niêm phong và những cổ đông không tham gia bỏ phiếu được coi như không có ý kiến.

- Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và thùng phiếu được niêm phong.

c. Các phiếu biểu quyết không hợp lệ sẽ không được tính bao gồm:

- Phiếu không theo mẫu do Ban tổ chức phát ra và không có dấu của Công ty;

- Phiếu bị rách, gạch, tẩy xóa, sửa chữa;

- Phiếu ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu;

- Phiếu có ghi nhiều ý kiến khác nhau trong cùng một nội dung biểu quyết thì phần biểu quyết đó không hợp lệ;

- Phiếu biểu quyết không được lựa chọn hoặc lựa chọn nhiều hơn một phương án cho một vấn đề biểu quyết.

Việc biểu quyết đối với từng nội dung cần thông qua trong Phiếu biểu quyết là độc lập với nhau và tính hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này không làm ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung biểu quyết khác.

d. Trường hợp cổ đông trong quá trình ghi Phiếu biểu quyết bị nhầm lẫn với điều kiện chưa bỏ vào thùng phiếu thì được quyền đề xuất xin đổi lại Phiếu biểu quyết nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

2. Biểu quyết trực tiếp

Việc biểu quyết trực tiếp được áp dụng đối với các trường hợp không áp dụng hình thức biểu quyết theo quy định tại Khoản 1 Điều này. Trường hợp biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, không có ý kiến từng vấn đề được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của Ban bầu cử và kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 9. Cách thức kiểm phiếu biểu quyết

Việc kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu tiến hành tại phòng kín ngay sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc. Ban kiểm phiếu không được gạch xóa, sửa chữa trên phiếu biểu quyết.

Điều 10. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Sau khi quá trình kiểm phiếu biểu quyết hoàn thành, Ban kiểm phiếu lập biên bản kiểm phiếu có chữ ký của tất cả các thành viên trong Ban kiểm phiếu. Trưởng ban kiểm phiếu thay mặt Ban kiểm phiếu đọc biên bản kiểm phiếu trước Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty, cổ đông có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc), cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 điều 16 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ Công ty;

b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá.

Điều 12. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

e. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty (nếu có).

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 13. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty, UBCK NN, Sở GDCK HN trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi kết thúc cuộc họp.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả các vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 143 Luật doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi công bố tài liệu cho các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- e. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của Người đại diện theo uỷ quyền hoặc Người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ. Các quyết định đã được thông qua;
- e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác cũng như các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kết quả kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty, UBCK NN và Sở GDCK HN trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG III

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị là những người mà pháp luật và Điều lệ công ty không cấm làm thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của công ty trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
3. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty;
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành trừ khi việc kiêm nhiệm này được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 16. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.

Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử:

- Từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
- Từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
- Từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
- Từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
- Từ 80% trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức đề cử Hội đồng quản trị phải

công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 17. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

1. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố trong vòng 24 giờ sau khi Hội đồng quản trị kiểm tra hồ sơ ứng viên đã đủ tiêu chuẩn điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin về các ứng viên phải công bố tối thiểu một (01) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông trên website của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.

Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung sau đây:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ học vấn;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- Các lợi ích có liên quan đến Công ty (nếu có);
- Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên (nếu có);
- Các thông tin khác (nếu có).

2. Các ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố.

Điều 18. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Danh sách ứng viên:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị phải gửi văn bản giới thiệu và lý lịch ứng viên cho Công ty chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

- Danh sách và lý lịch ứng viên phải được gửi cho các Cổ đông trên website 01 (một) ngày trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

- Danh sách ứng viên phải được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua tại Đại hội trước khi tiến hành bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị.

Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc phân bố đồng đều.

2. Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt, có ghi giá trị hoặc số cổ phiếu, có đóng dấu

Công ty.

3. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.

4. Phiếu bầu được phát tại buổi họp Đại hội đồng cổ đông. Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên những người ứng cử vào Hội đồng Quản trị, thông tin về cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện. Cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.

5. Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

a. Phiếu không phải của Ban kiểm phiếu phát hành;

b. Phiếu bầu cho nhiều người hơn số lượng đã được quy định;

c. Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;

d. Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

6. Căn cứ vào số lượng thành viên quy định cho Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông sẽ dựa vào tỷ lệ phiếu bầu có số cổ phần cao nhất từ trên xuống để chọn cho đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

7. Trường hợp có những ứng cử viên đạt số phiếu bầu ngang nhau cho thành viên cuối cùng thì ứng cử viên nào sở hữu cổ phần nhiều hơn hoặc đại diện sở hữu nhiều cổ phần nhiều hơn sẽ là người trúng cử; trong trường hợp các ứng cử viên không sở hữu cổ phần hoặc sở hữu số cổ phần bằng nhau thì Đại hội sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau và bầu theo hình thức bầu dồn phiếu.

8. Kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được Chủ tọa phê chuẩn và Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 19. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng Quản trị phải họp và ra quyết định về việc bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện là thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;

b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị;

đ. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2. Chủ tịch, Thành viên Hội đồng quản trị Công ty sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định làm trái với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty trong thời gian đương nhiệm.

Điều 20. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trên trang điện tử của Công ty và cho các cơ quan quản lý nhà nước theo trình tự và quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV

TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp thường kỳ mỗi quý ít nhất một (01) lần hoặc họp bất thường theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 35 của Điều lệ Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể mời các cá nhân khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị. Những người được mời có thể phát biểu ý kiến khi được chủ tọa yêu cầu, nhưng không được biểu quyết.

4. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

5. Người triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị có trách nhiệm chỉ đạo Thư ký Hội đồng quản trị Công ty chuẩn bị tài liệu họp và gửi tài liệu đến từng thành viên Hội đồng quản trị và đại biểu được mời họp.

Điều 22. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất năm (05) ngày trước ngày họp. Thông báo mời họp phải được xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và biểu quyết, kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

2. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.

Điều 23. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Sau khi có kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị của Đại hội đồng

cổ đông, Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một (01) Chủ tịch

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản:

- a. Đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập;
- b. Đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- c. Đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Các trường hợp khác do điều lệ Công ty quy định.

3. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 2 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị, thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty.

4. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về Báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

5. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc ở nơi khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

6. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

7. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp theo quy định tại Khoản 9 Điều 153 Luật doanh nghiệp.

Điều 24. Cách thức biểu quyết

1. Trừ quy định tại Khoản 2 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;

2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những

quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

3. Theo quy định tại Khoản 4 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, những vấn đề phát sinh đó được chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên liên quan chưa được công bố đầy đủ.

4. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b Khoản 4 Điều 47 tại Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

Điều 25. Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trên 50%. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

Điều 26. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh, có các nội dung chủ yếu sau:

a. Tên, trụ sở chính, số và ngày đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh.

b. Mục đích, chương trình và nội dung họp.

c. Thời gian, địa điểm họp.

d. Họ và tên từng thành viên họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ và tên các thành viên không dự họp, lý do.

đ. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp

e. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.

g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

h. Các vấn đề đã được thông qua.

i. Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp và thư ký cuộc họp.

k. Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được thông qua và biểu quyết nhất trí tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

3. Các tài liệu sử dụng trong cuộc họp Hội đồng quản trị phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thư ký Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp và nghị quyết Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm các thành viên dự họp và các thành viên vắng mặt).

Điều 27. Công bố thông tin Nghị quyết Hội đồng quản trị

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ công ty và cho các cơ quan có thẩm quyền (nếu được yêu cầu), hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử của công ty theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG V ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 28. Tiêu chuẩn kiểm soát viên

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

2. Không phải là người có liên quan của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý khác.

3. Kiểm soát viên không được giữ các chức vụ quản lý Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

4. Kiểm soát viên không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;

5. Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty;

6. Kiểm soát viên phải có năng lực cá nhân và phẩm chất đạo đức tốt.

Điều 29. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên

1. Các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên kiểm soát viên.

Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử:

- Từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
- Từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên kiểm soát viên thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên kiểm soát viên phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 30. Cách thức bầu Kiểm soát viên

Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chuẩn của Điều lệ Công ty.

Điều 31. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

b. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn xin từ chức được gửi đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;

d. Bị rối loạn tâm thần hoặc các thành viên khác của Ban Kiểm soát có bằng chứng chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự.

2. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên được quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty;

c. Bị cách chức thành viên Ban Kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 32. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật hiện hành.

**CHƯƠNG VI
LỰA CHỌN, BỎ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI QUẢN LÝ
CÔNG TY**

Điều 33. Tiêu chuẩn bổ nhiệm Người điều hành Công ty

1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc:

Theo quy định tại Điều 65 Luật Doanh nghiệp.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp.

b. Có năng lực tổ chức chỉ đạo và thực hiện các công việc được giao trong lĩnh vực được phân công.

c. Về trình độ:

- Phải có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty từ trình độ đại học trở lên.

- Thời gian công tác thực tế trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty ít nhất năm (05) năm tính đến ngày được bổ nhiệm.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Kế toán trưởng:

a. Không thuộc các đối tượng những người không được làm kế toán theo quy định tại Điều 52; Đảm bảo tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 54 Luật Kế toán số 88/2015/QH13 của Quốc hội thông qua ngày 20/11/2015.

b. Về phẩm chất đạo đức: Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ chính sách, chế độ, các quy định về quản lý kinh tế, tài chính của pháp luật và của công ty.

c. Về trình độ:

- Phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên.

- Thời gian công tác thực tế là kế toán ít nhất năm (05) năm tính đến ngày được bổ nhiệm.

- Phải có Chứng chỉ Kế toán trưởng theo quy định của pháp luật kế toán.

4. Người điều hành doanh nghiệp khác do Tổng giám đốc quyết định được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Nguyên tắc thực hiện bổ nhiệm Người điều hành

1. Việc bổ nhiệm người điều hành phải xuất phát từ nhu cầu, nhiệm vụ của

cơ quan, đơn vị;

2. Công tác bổ nhiệm phải thực hiện theo nguyên tắc tập trung dân chủ công khai, minh bạch;

3. Bảo đảm sự ổn định, kế thừa và phát triển đội ngũ quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị.

Điều 35. Trình tự thủ tục bổ nhiệm Người điều hành Công ty

1. Tổng Giám đốc

Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể đề cử ứng cử viên cho vị trí Tổng giám đốc hoặc Hội đồng quản trị chọn một người khác làm Tổng giám đốc. Trường hợp có nhiều ứng cử viên thì Hội đồng quản trị xem xét có thể dựa trên cơ sở tham khảo, thăm dò ý kiến lãnh đạo chủ chốt Công ty, phỏng vấn đánh giá năng lực ứng viên hoặc hình thức khác được đa số thành viên Hội đồng quản trị tán thành.

Hồ sơ đề nghị Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc do người đề cử ứng cử viên chuẩn bị, bao gồm:

- a. Sơ yếu lí lịch do ứng cử viên tự kê khai;
- b. Bản kê khai tài sản, thu nhập;
- c. Chương trình hành động;
- d. Bản tự nhận xét đánh giá quá trình công tác;
- đ. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng (có công chứng);
- e. Các kết luận kiểm tra, thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo và các giấy tờ liên quan khác đối với nhân sự đề nghị bổ nhiệm (nếu có);

2. Phó Tổng Giám đốc; Kế toán trưởng.

Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm trên cơ sở đề xuất của Tổng giám đốc. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm thực hiện như hồ sơ đề nghị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

3. Các chức danh quản lý khác.

Các chức danh quản lý khác của Công ty do Tổng Giám đốc quyết định, đảm bảo đủ điều kiện bổ nhiệm theo quy chế hiện hành của Công ty. Việc tuyển dụng người quản lý cần thiết với số lượng, phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý của Công ty. Người quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết thích hợp với công việc được bổ nhiệm, đầy đủ năng lực làm việc có hiệu quả.

Điều 36. Thời hạn (nhiệm kỳ) giữ chức vụ của Người điều hành

- Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty ít nhất năm (05) năm và được tái bổ nhiệm.

- Nhiệm kỳ của Người quản lý khác từ một (01) đến ba (03) năm và được tái bổ nhiệm.

- Bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng Giám đốc, các Phó

Tổng Giám đốc và một Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện thông qua Hội đồng quản trị.

Điều 37. Bổ nhiệm lại chức vụ Người điều hành.

1. Khi cán bộ quản lý kết thúc thời hạn giữ chức vụ, thì Hội đồng quản trị phải xem xét bổ nhiệm lại hoặc không bổ nhiệm lại. Hội đồng quản trị quyết định trước khi cán bộ kết thúc nhiệm kỳ ít nhất một (01) tháng.

2. Điều kiện để bổ nhiệm lại

- Hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao trong thời gian giữ chức vụ;

- Phẩm chất đạo đức tốt;

- Không vi phạm pháp luật, chế độ, chính sách Nhà nước và các quy định của Công ty;

- Có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ;

- Được cán bộ, công nhân lao động trong đơn vị tín nhiệm.

3. Hồ sơ trình Công ty bổ nhiệm lại như hồ sơ bổ nhiệm lần đầu

Điều 38. Quy định về ký hợp đồng lao động đối với người điều hành

1. Tổng Giám đốc ký Hợp đồng lao động với Người điều hành quản lý Công ty theo ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Nội dung hợp đồng lao động phải ghi rõ mức lương, thù lao, các quyền lợi được hưởng, trách nhiệm và quyền hạn. Nội dung của hợp đồng lao động phải tuân thủ các quy định của pháp luật lao động.

Điều 39. Các trường hợp, từ chức, miễn nhiệm người điều hành

1. Người điều hành xin từ chức phải làm đơn gửi Chủ tịch Hội đồng quản trị/Tổng giám đốc. Chủ tịch Hội đồng quản trị/Tổng giám đốc xem xét và ra quyết định trong thời hạn 30 ngày kể từ khi tiếp nhận đơn từ chức. Trong thời gian chưa có ý kiến chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng quản trị/Tổng giám đốc thì người điều hành vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cho đến khi có quyết định chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng quản trị/Tổng giám đốc.

- Đơn từ chức gửi Chủ tịch HĐQT gồm các chức danh: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;

- Đơn từ chức gửi Tổng Giám đốc gồm các chức danh: Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng, Phó các phòng, Xí nghiệp trực thuộc Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị/Tổng giám đốc có thể miễn nhiệm cán bộ quản lý trong trường hợp sau:

a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển;

b. Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;

c. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của công ty,

vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.

Điều 40. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành

Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành trong nội bộ công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VII
QUY TRÌNH, THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

MỤC 1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 41. Bộ máy điều hành và giúp việc của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị điều hành mọi hoạt động của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao, thì Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho một Ủy viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại chọn một trong số họ tạm giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị không thành lập bộ máy điều hành riêng, khi cần thiết Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy điều hành của Công ty để phục vụ công việc của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị bổ nhiệm Thư ký hoặc sử dụng cán bộ thuộc bộ máy điều hành Công ty để làm Thư ký giúp việc cho Hội đồng quản trị.

Điều 42. Phân công, phân nhiệm giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phân công các thành viên phụ trách các lĩnh vực công việc của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ của mình trên cơ sở được cung cấp đầy đủ thông tin và phải trung thành, nhiệt huyết, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty và các cổ đông.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty; phụ trách các lĩnh vực, công việc theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm cá nhân về công việc được phân công.

Điều 43. Nhiệm vụ của Thư ký Hội đồng quản trị

1. Thư ký Công ty có trách nhiệm sau:

a. Theo dõi chương trình hoạt động của Hội đồng quản trị và lịch công tác của Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị;

b. Thông báo các cuộc họp Hội đồng quản trị và phải được gửi trước ít nhất năm (05) ngày cho các thành viên tham dự họp trước khi tổ chức họp Hội đồng quản trị;

c. Cung cấp thông tin cho thành viên Hội đồng quản trị. Chuẩn bị chương trình, tài liệu và cung cấp các tài liệu cho các thành viên Hội đồng quản trị để phục vụ các cuộc họp hoặc xin ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị; ghi chép biên bản, nội dung các cuộc họp, làm việc, đàm phán của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị;

d. Soạn thảo các văn bản, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị; giúp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị triển khai, theo dõi, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị;

e. Tổng hợp trình Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị các đề nghị, văn bản, tài liệu gửi đến Hội đồng quản trị;

g. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

h. Cung cấp và thông báo cho các đối tượng liên quan về các Nghị quyết, văn bản của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty;

i. Tư vấn về thủ tục các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;

k. Được trực tiếp làm việc với các cán bộ, nhân viên của Công ty và các cơ quan, đơn vị khác để giải quyết công việc trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao; chịu trách nhiệm cá nhân trước Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị về công việc được giao;

l. Thư ký Hội đồng quản trị có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của Biên bản, Nghị quyết họp Hội đồng quản trị;

m. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị giao.

2. Thư ký Hội đồng quản trị được hưởng các quyền lợi theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động được ký với Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc Công ty.

Điều 44. Mọi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1. Hội đồng quản trị chịu sự giám sát của Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ Công ty và phải tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát thực thi nhiệm vụ.

2. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm mời đại diện Ban kiểm soát tham gia thảo luận và phát biểu ý kiến.

MỤC 2: TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 45. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Tổng Giám đốc Công ty do Hội đồng Quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn

nhiệm, bãi nhiệm.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao

3. Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của Tổng Giám đốc được quy định theo Điều lệ Công ty.

Điều 46. Chuẩn bị nội dung các cuộc họp Hội đồng Quản trị

Tổng Giám đốc chuẩn bị các vấn đề sẽ được trao đổi và quyết định tại cuộc họp Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông trong phạm vi thẩm quyền quản lý của mình hoặc theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Điều 47. Mối quan hệ công việc giữa Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người quyết định cao nhất về mọi hoạt động điều hành sản xuất của Công ty là người chịu trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng các phương án hoạt động để trình Hội đồng quản trị; tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

2. Tổng Giám đốc được quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến đối với các quyết định của Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái với quy định của Nhà nước và báo cáo giải trình ngay với Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát bằng văn bản.

3. Hội đồng quản trị có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành các quyết định của Tổng Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết và các quyết định của Hội đồng Quản trị.

4. Tổng Giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (*thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ, ...*) nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó. Đồng thời phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông trong thời gian gần nhất.

5. Tổng Giám đốc phải giải trình về sự thua lỗ và kém hiệu quả từng thời kỳ và kế hoạch khắc phục trình Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông.

Điều 48. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. Định kỳ hàng tháng, quý, năm Ban Tổng Giám đốc và Trưởng các phòng, xí nghiệp Công ty họp kiểm điểm đánh giá kết quả thực hiện công tác và triển khai chương trình, kế hoạch, biện pháp thực hiện nhiệm vụ công tác sắp tới theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quyết định của HĐQT. Nội dung các cuộc họp được ghi vào biên bản và thông báo kết quả cuộc họp đến các thành viên có liên quan để tổ chức thực hiện.

2. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo HĐQT khi có yêu cầu.

3. Khi cần thiết, HĐQT có quyền yêu cầu các thành viên Ban Tổng Giám đốc báo cáo về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Điều 49. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty. Trường hợp điều hành trái với quy định này gây thiệt hại cho công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại.

Điều 50. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

1. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

a. Các vấn đề gây khó khăn, vướng mắc đến công việc hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty;

b. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, nếu phát hiện các vấn đề không có lợi cho Công ty, trái pháp luật, trái với quy định của Nhà nước;

c. Khó khăn, vướng mắc khi tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;

d. Các báo cáo khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

2. Các báo cáo của Tổng Giám đốc phải được làm bằng văn bản tiếng Việt rõ ràng và gửi trước cho HĐQT và Ban kiểm soát ít nhất 05 ngày trước khi tổ chức cuộc họp HĐQT

MỤC 3: BAN KIỂM SOÁT

Điều 51. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các kết luận giám sát của mình đối với sự phát triển của Công ty;

2. Mục tiêu hoạt động của Ban Kiểm soát là bảo vệ lợi ích của cổ đông, của Công ty, đảm bảo Công ty phát triển bền vững, đảm bảo sự đoàn kết nội bộ giữa các cổ đông, cân bằng lợi ích giữa các bộ phận trong Công ty;

3. Đảm bảo hoạt động bình thường của Công ty, của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty;

4. Tôn trọng pháp luật đồng thời đảm bảo tính hợp lý và thực tế;

5. Lắng nghe, đấu tranh và ngăn chặn từ xa, phòng ngừa nguy cơ dẫn đến các hành vi làm xâm hại đến lợi ích của Công ty và các cổ đông;

6. Minh bạch hoá các quan hệ, công khai hoá các lợi ích đến mức cao nhất.

Điều 52. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết quả và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

2. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty giúp Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất;

3. Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính trung thực, chính xác, hợp lý, hợp pháp của việc ghi chép lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, và các báo cáo khác của Công ty, tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

4. Ban Kiểm soát phải lưu giữ các tuyên bố công khai lợi ích của các cán bộ quản lý điều hành của Công ty để giám sát các giao dịch kinh tế dân sự của những người quản lý với những nơi cũ họ có liên quan và những nơi họ có lợi ích để phát hiện và giám sát những giao dịch này, ngăn chặn những thiệt hại có thể xảy ra đối với Công ty và cổ đông của Công ty;

5. Ban Kiểm soát phải tiếp nhận các khiếu nại của cổ đông liên quan đến quản lý điều hành Công ty, tổ chức thẩm tra xác minh các khiếu nại báo cáo Hội đồng quản trị và thực hiện việc trả lời các khiếu nại của cổ đông;

6. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Điều 53. Bảo mật thông tin trong hoạt động của Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát không được tiết lộ bí mật của Công ty, phải chịu trách nhiệm cá nhân về việc sử dụng các thông tin được quy định là thông tin bí mật của Công ty. Việc yêu cầu cung cấp thông tin cho Ban Kiểm soát và sử dụng thông tin không được gây ảnh hưởng đến hoạt động quản lý và điều hành của Công ty.

Điều 54. Các trường hợp Ban kiểm soát đề nghị triệu tập Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Ban kiểm soát.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

2. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị quyết định:

- a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
- b. Thành lập các công ty con của Công ty;

c. Các nội dung trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Điều 55. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, tạo điều kiện thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định của Điều lệ công ty và pháp luật.

Trường hợp khẩn cấp, HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc có thể thông tin ngay (*bằng điện thoại, email, ...*) cho các thành viên để được xử lý kịp thời.

2. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các Trưởng, Phó phòng, xí nghiệp trực thuộc công ty phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của HĐQT, Ban Kiểm soát, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

CHƯƠNG VIII
QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG
KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC
VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 56. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng Quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được phân công của từng thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc.

2. Trưởng Ban Kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được phân công của từng thành viên Ban Kiểm soát.

3. Tổng giám đốc chủ trì công tác đánh giá cán bộ quản lý trong công ty trên cơ sở căn cứ vào quy chế hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng thành viên quản lý công ty để phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo các tiêu chuẩn như sau:

- a. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- b. Hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- c. Hoàn thành nhiệm vụ
- d. Chưa hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 57. Khen thưởng

1. Hàng năm sau khi quyết toán tài chính năm trên cơ sở các chỉ tiêu lợi nhuận thực hiện đạt được. Công ty trích quỹ thưởng để khen thưởng cuối năm cho

người quản lý công ty gắn với mức độ đóng góp vào hiệu quả sản xuất, kinh doanh và kết quả quản lý điều hành hoặc kiểm soát của từng người quản lý.

2. Căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng người quản lý tại Quy chế khen thưởng của Công ty sẽ có hệ số khen thưởng tương ứng theo quy định.

3. Mức khen thưởng: Theo nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên và tỷ lệ trích bổ sung theo kết quả kinh doanh thực tế hàng năm.

Điều 58. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác khi thực hiện nhiệm vụ nếu có hành vi vi phạm quy định pháp luật và vi phạm quy định của công ty thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp khi xét danh hiệu thi đua khen thưởng mà Hội đồng thi đua khen thưởng chưa phát hiện ra vi phạm của người quản lý, nếu sau đó phát hiện thì Hội đồng thi đua khen thưởng xem xét điều chỉnh lại danh hiệu thi đua khen thưởng.

CHƯƠNG IX BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 59. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và cho công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Ngoài ra công ty phải công bố kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin khác nếu thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 60. Công bố thông tin về quản trị Công ty

Công ty phải công bố thông tin định kỳ, thông tin bất thường và thông tin theo yêu cầu về tình hình quản trị công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 61. Tổ chức công bố thông tin

1. Công ty tổ chức công bố thông tin theo các nội dung chủ yếu sau:

a. Xây dựng ban hành Quy chế công bố thông tin theo quy định tại Luật chứng khoán và Thông tư 155/2015/BTC của Bộ Tài chính.

b. Các nội dung công bố thông tin thực hiện theo Quy chế Công bố thông tin của Công ty như sau:

- Công bố thông tin định kỳ;
- Công bố thông tin bất thường;
- Công bố thông tin theo yêu cầu.

2. Nhiệm vụ công bố thông tin:

a. Lãnh đạo các Phòng, Xí nghiệp trực thuộc Công ty.

Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố 24 giờ theo quy định tại Điều 9,10 theo Quy chế công bố thông tin của Công ty. Trưởng các phòng, xí nghiệp Công ty (*nơi phát sinh thông tin cần cung cấp*) có trách nhiệm chủ động cung cấp thông tin trong vòng 12 giờ (*tính cả ngày lễ tết và ngày nghỉ hàng tuần*) kể từ khi xảy ra sự kiện cho cán bộ chuyên trách Công bố thông tin của Công ty. (***Đính kèm Phụ lục CBTT thời hạn 24 giờ***)

b. Cán bộ chuyên trách Công bố thông tin

- Tiếp nhận báo cáo thông tin từ các Phòng ban, Xí nghiệp trực thuộc Công ty, liên hệ với các cổ đông, ghi nhận ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị công ty theo quy định;

- Chịu trách nhiệm công bố các thông tin của Công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật chứng khoán và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG X CHẾ ĐỘ GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 62. Giám sát

Công ty, cá nhân và tổ chức liên quan chịu sự giám sát về quản trị công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 63. Xử lý vi phạm

Công ty, cá nhân và tổ chức liên quan vi phạm không thực hiện quy định tại Quy chế này tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 64. Bổ sung và sửa đổi Quy chế về quản trị Công ty

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc xét thấy cần thiết phải sửa đổi, bổ sung quy chế cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của công ty, công ty trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Điều 65. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này bao gồm 11 chương, 65 Điều đã được biểu quyết thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

2. Quy chế nội bộ quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu có hiệu lực kể từ ngày .../... /2019 ban hành theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

PHỤ LỤC
CÔNG BỐ THÔNG TIN THỜI HẠN 24 GIỜ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số...../NQ-DHDCĐ ngày...../...../2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019)

STT	Nội dung công bố	Phòng, Xí nghiệp cung cấp thông tin
1	Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bổ sung hoặc rút bớt một hoặc một số ngành nghề đầu tư, kinh doanh; bị đình chỉ hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động.	Phòng Tổ chức- Hành chính
2	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (<i>chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp</i>), giải thể doanh nghiệp; thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch; sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty.	
3	Khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động của công ty được sửa đổi, bổ sung.	
4	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ.	
5	Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty.	
6	Khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty.	
7	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp	
8	Sửa đổi, bổ sung chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty.	Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật
9	Tài khoản của công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính công ty.	Phòng Kế toán
10	Thay đổi thông tin trong Bản cáo bạch sau khi đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán.	
11	Quyết định mua hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp.	
12	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.	
13	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (<i>trừ trường hợp thay đổi chính sách kế</i>	

	<i>toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật</i>); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (<i>sau khi đã ký hợp đồng</i>); doanh nghiệp kiểm toán từ chối kiểm toán báo cáo tài chính của công ty; kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính (nếu có); ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với báo cáo tài chính.	Phòng Kế toán
14	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; đóng, mở chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện.	
15	Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi.	
16	Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành.	
17	Kết luận của cơ quan thuế về việc công ty vi phạm pháp luật về thuế.	
18	Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu dẫn đến tổng giá trị các khoản vay của công ty có giá trị từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét. Trường hợp tổng giá trị các khoản vay của công ty đạt từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét, công ty công bố thông tin về các quyết định vay thêm hoặc phát hành thêm trái phiếu có giá trị từ 10% vốn chủ sở hữu trở lên theo báo cáo tài chính năm gần nhất đã kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.	
19	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty	
20	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông (<i>bao gồm nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</i>). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.	Thư ký Hội đồng quản trị
21	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan.	